PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 6 năm 2012 ban hành Danh mục tạm thời thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam

DANH MỤC TẠM THỜI THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM NHẬP KHẨU

2. DANH MỤC TẠM THỜI THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM NHẬP KHẨU

b) THỨC ĂN CHĂN NUÔI CHƯA CÓ QUY CHUẨN KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

THỨC ĂN CHĂN NUÔI NHẬP KHẨU THEO NGUỒN GỐC XUẤT XỨ

(Tiếp theo Công báo số 447 + 448)

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1668	Rovimix ® E-50 SD	RP-594-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin E trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu nhạt	DSM Nutritional Products France SAS	France
1669	Rovimix ® Folic 80 SD	RP-595-8/02-KNKL	Cung cấp Folic acid trong TĂCN	Bột màu vàng nâu	DSM Nutritional Products France SAS (France)	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1670	Rovimix ® H-2	RP-596-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin H2 trong TĂCN	Hạt mịn, màu trắng ngà	DSM Nutritional Products France SAS	France
1671	Rovimix ® Stay-C35	RP-592-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin C trong TĂCN	Bột màu trắng kem	DSM Nutritional Products France SAS	France
1672	Rovimix A-500 W	RP-590-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin A trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu đậm	Roche Vitamines SA	France
1673	Rovimix® Biotin HP	195-7/08-CN	Bổ sung Biotin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt	DSM Nutritional Products France SAS	France
1674	Rovimix® Biotin	199-3/05-NN	Bổ sung Biotin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt mịn, màu trắng nhạt	DSM Nutritional Products France SAS	France
1675	Ruminolac	332-8/10-CN	Bổ sung tinh dầu thực vật triết ly vào thức ăn để kích thích sinh trưởng của vật nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Phytosynthese	France
1676	Safizym GP800	132-04/06-CN	Bổ sung dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Safisis (Lesaffre Group)	France
1677	Safmannan	131-04/06-CN	Thành tế bào nấm men tăng khả năng hấp thụ của vật nuôi	Dạng bột, màu be sáng	Bio-Springer (Lesaffre Group)	France
1678	Santos	243-5/05-NN	Cải thiện khả năng tiêu hóa và thay thế kháng sinh kích thích sinh trưởng cho lợn	Dạng bột màu gạch non	Techna	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1679	Securitor	64-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và chiết xuất thực vật cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng cam	Artimon	France
1680	Sedafit	233-8/08-CN	Bổ sung chất tạo mùi hương (từ nguồn gốc thực vật) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Phytosynthese	France
1681	Selenium 2.25%	59-1/07-CN	Bổ sung khoáng Selen (Se) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột hạt nhỏ, màu be sáng	Cedicom	France
1682	Selenium 3 Bmp (3%) (Selenium 4,5% Bmp)	NW-31-11/99-KNKL	Bổ sung khoáng Selen (Se) trong thức ăn chăn nuôi		Doxal	France
1683	Selenium 4,5% Bmp	NW-31-11/99-KNKL	Bổ sung khoáng		Doxal	France
1684	Selsaf	01-01/11-CN	Nấm men bất hoạt giàu Selen hữu cơ, được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi bổ sung	Dạng bột, màu vàng	Lesaffre Feed Additives (Division of S.I. Lesaffre)	France
1685	Senior 28	RF-209-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho mèo	Viên	Royal Canin S.A	France
1686	Senior S/O	45-02/06-CN	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1687	Sensible 33	RF-205-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho mèo	Viên	Royal Canin S.A	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1688	Sensitive	46-02/06-CN	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1689	Sensitivity Control	03-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1690	Sensitivity Control	38-02/06-CN	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1691	Serowhey (Feed Material Powder)	SP-1754-11/03-NN	Bổ sung dinh dưỡng trong TĂCN		Sofivo S.A.S	France
1692	Servitol	CF-294-8/01-KNKL	Bổ sung vitamin	Dạng bột mềm	Franvet S.A	France
1693	Skin support ss 23	314-10/07-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1694	Slim 37	RF-207-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho mèo	Viên	Royal Canin S.A	France
1695	Sogevit	*SG-8-12/00-KNKL	Bổ sung vitamin cho vật nuôi	Dạng bột	Sogeval	France
1696	Soya Protein Concentrate (Estrilvo)	SP-341-10/01-KNKL	Cung cấp đạm cho heo con		Sopropeche	France
1697	Spray Whey Powder	152-01/05-NN	Bổ sung bột váng sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng vàng nhạt	Euroserum	France
1698	Starter	29-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1699	Substilac	117-3/07-CN	Chất thay thế sữa sử dụng trong thức ăn lợn con	Dạng bột, màu be	Techna S.A	France
1700	Sucram 200 (6830)	PM-141-5/00-KNKL	Chất tạo vị ngọt		Pancosma	France
1701	SucramR/Pigor Tek ™ 217 (Code 6217)	PF-240-7/00-KNKL	Tạo hương sữa, hương hoa quả và vị ngọt trong TĂCN		Pancosma S.A	France
1702	Sweet Whey Powder	LL-680-8/02-KNKL	Bổ sung dinh dưỡng trong TĂCN		Lacto SerUM S.A	France
1703	Sweet Whey Powder HF	PR-314-11/00-KNKL	Cung cấp đường sữa trong TĂCN	Bột màu kem sữa	Protilact	France
1704	Sweet Whey Powder Lactoserum Doux (Hf)	VP-343-2/02-KNKL	Bổ sung sữa trong TĂCN		Voreal	France
1705	T- Mold	148-01/05-NN	Bổ sung chất chống nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Techna	France
1706	T- Ox	147-01/05-NN	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu ghi sáng	Techna	France
1707	T5X SD	366-11/07-CN	Chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be nhạt	Sermix (Subsidiary of Evialis)	France
1708	Taritral	427-12/08-CN	Hỗn hợp vitamin C, Sorbitol và khoáng dùng bổ sung	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Techna SA	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			vào thức ăn cho lợn nái nuôi con			
1709	Tech'whey	380-9/05-NN	Bổ sung đường Lactose và protein trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu be trắng	Techna	France
1710	Tech'zyme G	146-01/05-NN	Bổ sung enzyme trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng tiêu hóa cho vật nuôi	Dạng bột, màu be	Techna	France
1711	Tech'zyme P	145-01/05-NN	Bổ sung Phytase trong thức ăn chăn nuôi giúp tăng khả năng hấp thu Photpho cho vật nuôi	Dạng bột, màu be sáng	Techna	France
1712	Tech'arom Choco	258-08/06-CN	Bổ sung hương liệu sô cô la trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be	Techna	France
1713	Tech'arom Fish	255-08/06-CN	Bổ sung hương liệu cá trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Techna	France
1714	Tech'arom Milk	256-08/06-CN	Bổ sung hương liệu sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be.	Techna	France
1715	Tech'arom Red Fruits	257-08/06-CN	Bổ sung hương liệu hoa quả trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Techna	France
1716	Tech'zyme W	118-3/07-CN	Bổ sung men tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be	Techna S.A	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1717	Thepax Liquid	NW-59-1/00-KNKL	Thức ăn bổ sung hỗ trợ hệ vi sinh vật đường ruột		Doxal	France
1718	Thepax Poudre	NW-57-1/00-KNKL	Thức ăn bổ sung hỗ trợ hệ vi sinh vật đường ruột		Doxal	France
1719	Thepax Spray	NW-58-1/00-KNKL	Thức ăn bổ sung hỗ trợ hệ vi sinh vật đường ruột		Doxal	France
1720	Toffilac Aroma	PP-580-8/02-KNKL	Tạo hương trong TĂCN		Phode	France
1721	Troivit	CF-292-8/01-KNKL	Bổ sung vitamin A, D_3, E	Dạng lỏng	Franvet S.A	France
1722	T-Tox hoặc Tox-Stop hoặc VitalProtect	241-5/05-NN	Bổ sung chất chống nấm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu xám	Techna	France
1723	Tubermine	NW-54-1/00-KNKL	Bổ sung đạm và axít amin		Roquette	France
1724	Turbovit Powder	299-10/07-CN	Bổ sung premix vitamin cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng và đỏ	Neolait SAS	France
1725	Tutti Frutti Aroma	PP-582-8/02-KNKL	Tạo hương trong TĂCN		Phode	France
1726	Ucavit AD_3E	121- 4/12-CN	Bổ sung vitamin (A, D, E) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng lỏng màu vàng	Qalian	France
1727	Urinary	437-11/05-NN	Thức ăn cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A.,	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1728	Urinary S/0	440-11/05-NN	Thức ăn cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1729	V & V	CF-212-6/01-KNKL	Bổ sung hỗn hợp chất axit hóa vào TĂCN		CCA Nutrition	France
1730	Vanilla Milk Aroma V141p2 Sa (Sweetened)	PP-576-8/02-KNKL	Tạo hương trong TĂCN		Phode	France
1731	Vanilla Milk V141p3	PP-581-8/02-KNKL	Tạo hương trong TĂCN		Phode	France
1732	Vanille Creme S193	PHO-350-12/00-KNKL	Chất tạo hương	Dạng lỏng, màu vàng	Phodes S.A	France
1733	Vanille-Pan870.051 (6051)	PM-136-5/00-KNKL	Chất tạo hương kem		Pancosma	France
1734	Veterinary Maxi Junior	13-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1735	Veterinary Maxi Mature	15-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1736	Veterinary Medium Adult	11-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1737	Veterinary Medium Mature	12-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1738	Veterinary Mini Adult	08-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1739	Veterinary Mini Mature	09-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1740	Veterinary Puppy Milk	51-02/06-CN	Sữa cho chó	Dạng bột, màu vàng nhạt	Royal Canin S.A	France
1741	Veterinary Starter	06-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1742	VFAppetite	CF-213-6/01-KNKL	Bổ sung hỗn hợp chất axit hóa vào TĂCN		CCA Nutrition	France
1743	Vit' Sec	VP-1548-7/03-KNKL	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi		Vitalac	France
1744	Vital Milk	49-02/06-CN	Sữa cho mèo	Dạng bột, màu vàng nhạt	Royal Canin S.A	France
1745	Vital SHM	64-02/06-CN	Bổ sung premix khoáng và vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu be	Techna	France
1746	Vital Wheat Gluten	PY-311-9/01-KNKL	Bổ sung Protein trong thức ăn gia súc		Poquette Freres (Roquite)	France
1747	Vitalacid	65-02/06-CN	Bổ sung hỗn hợp axít hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm kích thích tiêu hóa và cân bằng hệ vi sinh vật đường ruột cho vật nuôi	Dạng bột, màu trắng be	Techna	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1748	Vitamin B_{12} 1% Feed Grade	RP-600-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin B_{12} trong TĂCN	Bột màu đỏ nhạt	DSM Nutritional Products France SAS	France
1749	Vitamin Best	73-03/11-CN	Hỗn hợp vitamin bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng	Artimon	France
1750	Vitamin Quatro Liquid	72-03/11-CN	Hỗn hợp vitamin và axit amin bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	Artimon	France
1751	Vitavel	310-10/11-CN	Bổ sung các vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cere-visiae CBA-493.94 và Enterococcus faecium NCIMB-10415) cho bê	Dạng bột, màu trắng	Bio Armor Developpement	France
1752	Weaning	40-02/06-CN	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1753	Weight Control	02-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1754	Wou	BA-2- 1999-KNKL	Premix vitamin - khoáng	Bột màu trắng	Laboratories Biove	France
1755	Xtract™ code 6930	208-7/08-CN	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi và kích thích ngon miệng (có nguồn gốc từ thực vật) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu cam sậm	Pancosma France S.A	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1756	Yeast Extract Springer 0402	290-8/08-CN	Chất chiết nấm men bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Lesaffre Group (Bio Springer)	France
1757	Yeast Extract Springer 2006	291-8/08-CN	Chất chiết nấm men bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Lesaffre Group (Bio Springer)	France
1758	Yeast Extract Springer 2012	292-8/08-CN	Chất chiết nấm men bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Lesaffre Group (Bio Springer)	France
1759	Young Male S/O	43-02/06-CN	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1760	100% Pure Dried Pork Protein	236-4/05-NN	Bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt tới màu nâu đậm	Heinrich Nagel KG (GmbH & Co.)	Germany
1761	204675 Bigarol[â] Strawberry	164-05/06-CN	Bổ sung chất tạo hương dâu trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hồng kem	Symrise GmbH & Co. KG	Germany
1762	A D_3 E C	308-9/08-CN	Bổ sung vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu hơi vàng	MIAVIT GmbH	Germany
1763	Acidomatrix Pro	116-04/09-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ dùng để cải thiện hiệu quả dinh dưỡng cho vật nuôi	Dạng hạt nhỏ, màu trắng	Novus Deutschland GmbH	Germany
1764	Acidomix® AFG	114-04/09-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ dùng để cải thiện hiệu quả dinh dưỡng cho vật nuôi	Dạng hạt mịn, màu trắng	Novus Deutschland GmbH	Germany
1765	Acidomix® AFL	115-04/09-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ dùng để cải thiện hiệu quả dinh dưỡng cho vật nuôi	Dạng lỏng, không màu hơi vàng	Novus Deutschland GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1766	Activate WD Max	113-04/09-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ dùng để cải thiện hiệu quả dinh dưỡng cho vật nuôi	Dạng lỏng, màu hổ phách nhạt	Novus Deutschland GmbH	Germany
1767	Amivit	109-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi bổ sung vitamin và khoáng cho vật nuôi	Dạng nước, màu hồng	Miavit GmbH	Germany
1768	Anilac	MG-222-7/00-KNKL	Chất thay thế, sữa dùng cho lợn con, bê, cừu non		Meggle GMBH.	Germany
1769	Anipro Red Hemoglobin Powder	001-7/04-NN	Bổ sung protein và các loại axit amin thiết yếu trong thức ăn chăn nuôi	Bột mịn, màu đỏ đậm	EURODUNA Technologies GmbH	Germany
1770	Anti Heat Stress	309-9/08-CN	Bổ sung vitamin và khoáng chất trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu hơi vàng	MIAVIT GmbH	Germany
1771	Aqua Stab	LC-166-5/00-KNKL	Chất kết dính dùng trong công nghệ chế biến thức ăn dạng viên		Leko Chemical Pte. Ltd	Germany
1772	Arbocel RC	285-6/05-NN	Bổ sung chất xơ lignoce-llulose trong thức ăn chăn nuôi nhằm chống táo bón	Dạng hạt, màu vàng nhạt	J. Rettenmaier & Sohne (JRS)	Germany
1773	Aromax	280-9/11-CN	Bổ sung hỗn hợp tinh dầu thực vật (khuynh diệp, bạc hà và húng tây) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, không màu đến vàng nhạt	XVET Marketing GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1774	Aromax Dry	281-9/11-CN	Bổ sung hỗn hợp tinh dầu thực vật (khuynh diệp, bạc hà và húng tây) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt	XVET Marketing GmbH	Germany
1775	Avixanthin 10	91-3/11-CN	Bổ sung chất tạo sắc tố Canthaxanthin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm	Dạng bột, màu nâu đỏ hoặc nâu sẫm	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1776	Avizant Gelb 20s (Avuzan Yellow 20s)	LĐ-1700-9/03-KNKL	Bổ sung sắc tố trong TĂCN		Lohmann Animal Health	Germany
1777	Avizant® Yellow 20 HS	114-3/12-CN	Bổ sung chất tạo màu (Xanthophylls chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng cam	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1778	Avizant® Yellow 60 HS	115-3/12-CN	Bổ sung chất tạo màu (Xanthophylls chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng cam	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1779	Baby Star	120-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi cung cấp dinh dưỡng cho lợn con cai sữa	Dạng viên, màu nâu	Miavit GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1780	B-Complex	307-9/08-CN	Bổ sung vitamin B, K_3 và axít folic trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, nâu đỏ	MIAVIT GmbH	Germany
1781	Bergaprime	157-05/06-CN	Hỗn hợp dầu hướng dương, dầu đậu nành nhằm cung cấp năng lượng cao cho thú nuôi nhỏ	Dạng bột, màu vàng	Berg + Schmidt GmbH & Co	Germany
1782	Bergazym P	88-2/07-CN	Sản phẩm enzyme phức hợp nhằm bổ sung enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Berg + Schmidt GmbH & Co. KG	Germany
1783	BioAktiv Animal Feed	279-9/07-CN	Bột phấn đá tự nhiên bổ sung khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà	BioAktiv-Pulver Produktions - und Vertriebs - GmbH	Germany
1784	Biotin 2%	313-9/08-CN	Bổ sung vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	MIAVIT GmbH	Germany
1785	Cal D Phos	01-01/10-CN	Bổ sung Canxi, Phốt pho và vitamin D_3 cho gia cầm, bò và cừu	Dạng lỏng, màu trắng hơi đục	XVET Marketing GmbH	Germany
1786	Calcium-D_3	306-9/08-CN	Bổ sung vitamin D_3 và khoáng chất trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, trong suốt	MIAVIT GmbH	Germany
1787	Carolac	226-8/07-CN	Bổ sung protein và chất tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Inntaler Mischfutter GmbH & Co. KG	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1788	Circolin®	305-9/08-CN	Bổ sung vitamin trong thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu be xám	MIAVIT GmbH	Germany
1789	Combilac	MG-152-5/00-KNKL	Chất thay thế sữa trong TĂCN		Meggle GMBH	Germany
1790	Copper Sulphate "Feed Grade"	HE-1902-3/04-NN	Bổ sung khoáng (Cu) trong TĂCN	Bột màu xanh	Helm AG	Germany
1791	Cuxacid Solid B	216-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và axit vô cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm bảo quản thức ăn chăn nuôi, cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi và giảm ammonia trong chất thải vật nuôi	Dạng hạt, màu nâu xám	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1792	Cuxacid Solid S	217-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm bảo quản thức ăn chăn nuôi và cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi	Dạng hạt, màu nâu bạc	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1793	Cuxarom Fruit 201	102-3/12-CN	Bổ sung chất tạo mùi, vị ngọt Cherry (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu kem hoặc trắng ngà	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1794	Cuxarom Fruit 204	103-3/12-CN	Bổ sung chất tạo mùi hoa quả (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu kem hoặc trắng ngà	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1795	Cuxarom Lac 101	100-3/12-CN	Bổ sung chất tạo mùi hương vanilla và mùi kem (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu kem hoặc trắng ngà	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1796	Cuxarom Lac 103	101-3/12-CN	Bổ sung chất tạo mùi hương vanilla (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu kem hoặc trắng ngà	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1797	Cuxarom Spicemaster P	147-6/11-CN	Bổ sung chất tạo mùi (hương liệu từ thảo mộc) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu xám xanh	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1798	Cuxarom Sweet 401	215-7/11-CN	Bổ sung chất tạo mùi vị ngọt (Na-saccharin và Neohesperidine dihydro-chalcone), trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng bột, màu kem hoặc trắng ngà	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1799	Cuxarom® Spice 301	13-01/12-CN	Bổ sung chất tạo mùi thơm (từ tinh dầu thực vật) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu xanh xám	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1800	Digestarom® 1304 Liquid	41-02/10-CN	Bổ sung chất tạo mùi từ thảo mộc vào thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	Micro-Plus Konzentrate GmbH	Germany
1801	Digestarom® 1307 Fattening Pigs	42-02/10-CN	Bổ sung chất tạo mùi từ thảo mộc vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be hơi nâu	Micro-Plus Konzentrate GmbH	Germany
1802	Digestarom® 1310 Sows	43-02/10-CN	Bổ sung chất tạo mùi từ thảo mộc vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be hơi nâu	Micro-Plus Konzentrate GmbH	Germany
1803	Digestarom® 1317 Poultry, Premium	44-02/10-CN	Bổ sung chất tạo mùi từ thảo mộc vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be hơi nâu	Micro-Plus Konzentrate GmbH	Germany
1804	Digestarom® 1324 Piglet, Premium I (start)	45-02/10-CN	Bổ sung chất tạo mùi từ thảo mộc vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be hơi nâu	Micro-Plus Konzentrate GmbH	Germany
1805	Digestarom® 1327 Piglet, Premium II	46-02/10-CN	Bổ sung chất tạo mùi từ thảo mộc vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be hơi nâu	Micro-Plus Konzentrate GmbH	Germany
1806	Enterocrin	312-9/08-CN	Bổ sung protein đậu nành trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be	MIAVIT GmbH	Germany
1807	EPge-pro	349-8/05-NN	Bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	GePro Geflugel-Protein Vertriebsgesellschaft mbH & Co. KG	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1808	Ethoxyquin, Bht (Chất chống Oxy hóa)	JT-656-8/02-KNKL	Chất chống oxy hóa trong TĂCN		Trader. Helm	Germany
1809	Extra Fluid	115-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi bổ sung vitamin B, vitamin D_3, vitamin E cho vật nuôi	Dạng nước, màu cam	Miavit GmbH	Germany
1810	Ferromel-30 ($FeSO_4.H_2O$)	151-5/08-CN	Bổ sung Sắt vô cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Melspring Germany GmbH	Germany
1811	Formi® (Potassium Formiate)	336-7/05-NN	Chất phụ gia trong thức ăn chăn nuôi	Dạng tinh thể tơi mịn, màu trắng	BASF	Germany
1812	Globigen Jump Start	78-03/08-CN	Hỗn hợp bột trứng sấy khô và men, dùng bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu nâu nhạt hoặc màu vàng	EW Nutrition GmbH	Germany
1813	Globigen Pig Doser	344-10/08-CN	Hỗn hợp dầu đậu nành và bột trứng, bổ sung vitamin và chất béo vào thức ăn chăn nuôi cho lợn con	Dạng lỏng, màu vàng	EW Nutrition GmbH	Germany
1814	Globigen Pig Doser	208-7/07-CN	Thức ăn bổ sung nhằm bổ sung vitamin và dầu đậu nành cho vật nuôi	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	EW Nutrition GmbH	Germany
1815	Headstart	MG-221-7/00-KNKL	Thức ăn cho lợn con tập ăn		Meggle GMBH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1816	Helmox (Antioxidant Mixture)	MM-632-8/02-KNKL	Chất chống oxy hóa		Helm Ag	Germany
1817	Helmox Antioxidant Mixture	MM-632-8/02-KNKL	Chất chống oxi hóa bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Helm AG	Germany
1818	Helmvit Biotin (Vitamin H)	AI-1366-12/02-KNKL	Bổ sung Vitamin H trong TĂCN		Miavit	Germany
1819	Helmzym	AI-1363-12/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi		Helm Ag	Germany
1820	Helmzyme Phytase 5000 ftu/G	HĐ-1622-8/03-KNKL	Bổ sung enzyme phytase tăng hiệu quả sử dụng Photpho trong TĂCN		Helm AG	Germany
1821	Hipro 70	116-01/05-NN	Chất bổ sung đạm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	RT Chemtronics GmbH	Germany
1822	In-Combilac	50-02/11-CN	Hỗn hợp protein đậu tương và sữa gầy, bổ sung trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu vàng nhạt	Inntaler Mischfutter GmbH & Co. KG	Germany
1823	Kani-Plus	116-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi bổ sung vitamin và khoáng cho lợn	Dạng bột, màu be	Miavit GmbH	Germany
1824	KaSa K99	249-8/11-CN	Kali Chloride (KCl), dùng làm nguyên liệu bổ sung Kali trong thức ăn chăn nuôi	Dạng tinh thể, màu trắng	K + S Kali GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1825	KaSa K99	332-11/11-CN	Kali Chloride (KCl), nguyên liệu bổ sung Kali trong thức ăn chăn nuôi	Dạng tinh thể, màu trắng	K + S Kali GmbH	Germany
1826	Lacto 112	311-9/08-CN	Bổ sung vitamin E và vi khuẩn có lợi trong thức ăn lợn nái sinh sản	Dạng bột, màu be vàng	MIAVIT GmbH	Germany
1827	Lactolyte Energy	282-9/11-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi đối với đường tiêu hóa Enterococcus faecium và các chất điện giải cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng pha lẫn hạt màu tối	XVET Marketing GmbH	Germany
1828	Lactose	160-05/06-CN	Bổ sung đường Lactose trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Sachsenmilch AG, Leppersdorf	Germany
1829	Lactose	141-05/06-CN	Bổ sung đường Lactose trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà	Sachsenmilch AG	Germany
1830	Lactose eg Spray	236-8/08-CN	Bổ sung đường sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hơi vàng	Milei GmbH	Germany
1831	Latibon	111-3/11-CN	Muối Canxi formate, bổ sung trong thức ăn chăn nuôi để cải thiện khả năng tiêu hóa của vật nuôi và bảo quản chất lượng thức ăn	Dạng bột, màu trắng	Lanxess Distribution GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1832	Latibon®Plus ME	49-02/09-CN	Bổ sung chất acid hóa (hỗn hợp acid hữu cơ và vô cơ) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Dr. Eckel GmbH	Germany
1833	Lecithin Nutripur-G	LM-154-5/00-KNKL	Nhũ hóa mỡ làm tăng khả năng tiêu hóa, hấp thu lipit		Lucas Meyer	Germany
1834	Leiber Biolex® MB40	112-3/12-CN	Bổ sung Glucan và Mannan-OligoSaccharides (từ thành tế bào nấm men) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu sáng	Leiber GmbH	Germany
1835	Livervital	110-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi bổ sung vitamin và năng lượng cho vật nuôi	Dạng nước, màu cam	Miavit GmbH	Germany
1836	Loxidan 300	14-01/12-CN	Bổ sung chất chống ôxy hóa (hỗn hợp: BHT, Propyl gallate, BHA, axit citric) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng sẫm	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1837	Loxidan CF	203-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp chất chống oxi hóa (BHT, BHA và ethoxyquin) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt mịn, màu xám	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1838	Lucantin CX Fort	BASF-333-12/00-KNKL	Chất tạo màu	Bột, màu vàng nâu	BASF	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1839	Lucantin Pink	BASF-334-12/00-KNKL	Chất tạo màu	Bột, màu vàng nâu	BASF	Germany
1840	Lucantin Red	BASF-331-12/00-KNKL	Chất tạo màu	Bột, màu đỏ tím	BASF	Germany
1841	Lucantin Yellow	BASF-332-12/00-KNKL	Chất tạo màu	Bột, màu vàng cam	BASF	Germany
1842	Luprosil Salt (Calcium Propionate)	BC-256-8/00-KNKL	Chất chống mốc		Basf Company	Germany
1843	Luprosil® NC	124-3/07-CN	Hỗn hợp acid và muối hữu cơ, bổ sung chất bảo quản trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu trắng tới vàng nhạt	BASF Aktiengesellschaft	Germany
1844	Luta-CLA® 60 (Conjugated Linoleic Acid Methyl Ester)	337-7/05-NN	Bổ sung axit béo cho vật nuôi	Dạng lỏng, không màu, hơi vàng	BASF	Germany
1845	Lutavit® A/D_3 1000/200 plus	320-10/09-CN	Bổ sung vitamin A và D_3 vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	BASF	Germany
1846	Magna Vit Plus	114-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi bổ sung muối khoáng và vitamin cho vật nuôi	Dạng nước, màu nâu đỏ	Miavit GmbH	Germany
1847	Men Phytase (Finase L)	RF-143-6/01-KNKL	Bổ sung enzyme phytase tăng hiệu quả sử dụng Photpho trong TĂCN	Dạng lỏng	AB Enzymes Gmbh Do JJ. Degussa. Huls Phân Phối tại Việt Nam	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1848	Men Phytase (Finase P)	RF-144-6/01-KNKL	Bổ sung enzyme phytase tăng hiệu quả sử dụng Photpho trong TĂCN	Dạng bột	AB Enzymes Gmbh Do JJ. Degussa. Huls Phân Phối tại Việt Nam	Germany
1849	Mentofin	364-11/09-CN	Chất bổ trợ dùng trong chăn nuôi nhằm giảm viêm, giảm phản ứng sau khi tiêm vaccin IB và NCD	Dạng lỏng nhớt, màu vàng nâu	EWABO Chemikalien GmbH & Co	Germany
1850	Mia Ca-Phos	176-02/05-NN	Bổ sung Canxi, Photpho và nguyên tố vi lượng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu vàng chanh	Miavit	Germany
1851	Mia Soluble AD_3E	435-11/10-CN	Bổ sung vitamin A, D_3, E trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	MIAVIT GmbH	Germany
1852	Mia Vita C	433-11/10-CN	Bổ sung vitamin C và vitamin E trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	MIAVIT GmbH	Germany
1853	MIA vitamino Fortify	431-11/10-CN	Bổ sung các vitamin và axit amin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	MIAVIT GmbH	Germany
1854	MiaBond	220-06/09-CN	Chất hấp thu độc tố nấm mốc dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu be xám	Miavit GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1855	Mia-Electrolyte	468-12/10-CN	Bổ sung hỗn hợp các chất điện giải (hỗn hợp muối khoáng vô cơ) cho vật nuôi	Dạng bột, màu trắng	Miavit GmbH	Germany
1856	Miamax	118-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi bổ sung vitamin cho bò sữa	Dạng bột, màu nâu	Miavit GmbH	Germany
1857	Miamox (Antioxidant Mixture)	232-4/05-NN	Chống oxy hóa cho thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu tới nâu sẫm	Miavit GmbH	Germany
1858	MiaMycofit	219-06/09-CN	Chất hấp thu độc tố nấm mốc dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu be xám	Miavit GmbH	Germany
1859	Mia-Poultry VTM Layer	429-11/10-CN	Bổ sung vitamin và khoáng cho gà đẻ	Dạng bột, màu xám	MIAVIT GmbH	Germany
1860	Mia-Poultry VTM Layer 2.5	430-11/10-CN	Bổ sung vitamin và khoáng cho gà đẻ	Dạng bột, màu xám	MIAVIT GmbH	Germany
1861	Miavit Extra	310-9/08-CN	Bổ sung vitamin và khoáng chất trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be xám	MIAVIT GmbH	Germany
1862	Miavita 909	434-11/10-CN	Bổ sung các vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	MIAVIT GmbH	Germany
1863	Miavita Gold	347-10/09-CN	Bổ sung premix vitamin và axit amin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Miavit GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1864	Miavita Soluble	432-11/10-CN	Bổ sung các vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	MIAVIT GmbH	Germany
1865	Miazyme	231-4/05-NN	Bổ sung men tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà tới vàng nhạt	Miavit GmbH	Germany
1866	Microbisan	277-9/11-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi Enterococcus faecium (probiotic) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu xám xanh	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1867	Microvit B_5 Promix	AA-48-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_5 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng	Adisseo	Germany
1868	Microvit ^{TM} B_1 Promix	AA-49-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_1 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	Germany
1869	Microvit ^{TM} B_2 Supra 80	023-8/04-NN	Bổ sung vitamin B_2 trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng cam	Adisseo	Germany
1870	Microvit ^{TM} B6 Promix	AA-50-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_6 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	Germany
1871	Molkolac® Instant	317-9/08-CN	Bổ sung lactose, dùng trong sản xuất thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng sữa	MILEI GmbH	Germany
1872	Multivit Forte	428-11/10-CN	Bổ sung các vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu nâu	MIAVIT GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1873	Na-Saccharin (Sodium Saccharin) 100 mesh	214-7/11-CN	Na-saccharin, dùng để bổ sung vị ngọt trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng hạt mịn, màu trắng	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1874	Natuphos 10.000g	BASF-330-12/00-KNKL	Bổ sung men Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu vàng nâu	BASF	Germany
1875	Natuphos 5000g	BASF-329-12/00-KNKL	Bổ sung men Phytase trong TĂCN	Bột màu vàng nâu	BASF	Germany
1876	Natuphos® 5000	125-3/07-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	BASF Aktiengesellschaft	Germany
1877	Natuphos® 5000 L	126-3/07-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng nâu	BASF Aktiengesellschaft	Germany
1878	Nutravit	RĐ-730-10/02-KNKL	- Đạm vi sinh - bổ sung đạm trong TĂCN	Bột màu nâu	RT Chemtronics Chemikalien GMBH	Germany
1879	Nuvita C	268-8/08-CN	Bổ sung Vitamin C nhằm giảm stress, tăng sức đề kháng cho vật nuôi	Dạng lỏng, trong suốt	MIAVIT GmbH	Germany
1880	Nuvita EC	269-8/08-CN	Bổ sung Vitamin E và Vitamin C nhằm giảm stress, tăng hiệu quả tiêu hóa thức ăn, tăng sức đề kháng cho vật nuôi	Dạng lỏng, không màu hoặc màu vàng nhạt	MIAVIT GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1881	Orffavit-Vitamin E 50% Adsorbate	OH-257-7/01-KNKL	Sản xuất Premix trong TĂCN		Orffa Nederland Feed B.V Burgstraat 12. 4283 GG Giessen	Germany
1882	Permeat (Permeatpulver)	MG-223-7/00-KNKL	Thức ăn bổ sung cho lợn con		Meggle GMBH	Germany
1883	Pigpro Lin	87-03/09-CN	Thức ăn bổ sung cho heo con trước và sau cai sữa	Dạng mảnh, màu nâu vàng	RT Chemtronics GmbH	Germany
1884	Pigpro Wean	86-03/09-CN	Thức ăn cho heo con cai sữa	Dạng viên, màu vàng nâu	RT Chemtronics GmbH	Germany
1885	Polic Acid Vitamin B_9	AA-51-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_9 cho TĂCN	Dạng bột, màu vàng cam	Adisseo	Germany
1886	Pro Spur 1866	119-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi bổ sung vitamin E và khoáng cho bò	Dạng bột, màu nâu sang	Miavit GmbH	Germany
1887	Probat W.P.R	227-8/07-CN	Bổ sung protein và chất tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Bewital GmbH & Co. KG	Germany
1888	Pro-Calci-Vit	112-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi bổ sung khoáng và vitamin cho bò sữa và lợn nái	Dạng nước, màu vàng	Miavit GmbH	Germany
1889	Prolific	117-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi bổ sung vitamin và khoáng cho lợn nái thời kỳ động dục	Dạng bột, màu be	Miavit GmbH	Germany
1890	Pro-Stabil AP 55G	68-03/09-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt mịn, màu trắng	Novus Deutschland GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1891	Pro-Stabil AP 80 L	69-03/09-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu hơi vàng	Novus Deutschland GmbH	Germany
1892	Pro-Stabil BSL	70-03/09-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu hơi vàng	Novus Deutschland GmbH	Germany
1893	Prostar	RĐ-729-10/02-KNKL	- Đạm vi sinh - bổ sung đạm trong TĂCN	Bột màu nâu	RT Chemtronics Chemikalien GMBH	Germany
1894	Pyridoxine Hydrochloride	RĐ-614-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin B_6 trong TĂCN	Bột màu trắng	DSM Nutritional Products GmbH	Germany
1895	Rovimix® B_1	RĐ-611-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin B_1 trong TĂCN	Hạt mịn, màu trắng ngà	DSM Nutritional Products GmbH	Germany
1896	Rovimix® B_2 80-SD	HR-120-4/01-KNKL	Cung cấp vitamin B_2 cho gia súc	Dạng bột, màu vàng nâu	DSM Nutritional Products GmbH	Germany
1897	Rovimix® B_6	RĐ-612-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin B_6 trong TĂCN	Hạt mịn, màu trắng ngà	DSM Nutritional Products GmbH	Germany
1898	Sangrovit®	229-7/11-CN	Bổ sung hương liệu tạo mùi thơm (sanguinarine) chết xuất từ cây diếp cá trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt mịn, màu xanh đến màu hơi nâu	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH	Germany
1899	SOS Tabs	304-9/08-CN	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn cho lợn giống	Dạng viên, màu be xám	MIAVIT GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1900	Spuracid	113-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi bổ sung khoáng và chất điện giải cho vật nuôi	Dạng nước, màu xanh sẫm	Miavit GmbH	Germany
1901	Super CPM	455-11/10-CN	Bổ sung Canxi, Phốtpho và Magiê trong thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu hơi trắng	XVET Marketing GmbH	Germany
1902	Surf-Ace	67-03/09-CN	Hỗn hợp acid hữu cơ và chất nhũ hóa dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu hơi vàng nâu	Novus Deutschland GmbH	Germany
1903	Thiamine Hydrochloride	RĐ-613-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin B_1 trong TĂCN	Bột màu trắng	DSM Nutritional Products GmbH	Germany
1904	Toxisorb® Classic	136-04/06-CN	Bổ sung vào thức ăn động vật để hấp thụ độc tố Aflatoxin và Ergot	Dạng bột, màu xám be	SÜd-Chemie	Germany
1905	Toxisorb® Premium	137-04/06-CN	Bổ sung vào thức ăn động vật để hấp thụ độc tố Mycotoxin có phân cực và không phân cực	Dạng bột, màu xám be	SÜd-Chemie	Germany
1906	Turbo Fluid	456-11/10-CN	Bổ sung các vitamin, axit amin, khoáng và chất điện giải cho gia súc, gia cầm	Dạng dung dịch, màu cam đỏ	XVET Marketing GmbH	Germany
1907	Vit.E + Selenium	111-4/10-CN	Thức ăn chăn nuôi bổ sung vitamin E và selenium cho vật nuôi	Dạng nước, màu vàng nhạt	Miavit GmbH	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1908	Vitacel R 200	284-6/05-NN	Bổ sung chất xơ cellulose trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện năng suất vật nuôi	Dạng bột màu trắng	J. Rettenmaier & Sohne (JRS)	Germany
1909	Vital Wheat Gluten	CĐ-525-5/02-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN		Cerestar Deutschland gmbh	Germany
1910	Vital Wheat Gluten	AA-1793-03/04-NN	Bổ sung dinh dưỡng trong TĂCN		Jackering Muhlen. Und Nahrmittel Werke Gmbh	Germany
1911	Vitamin E 50 Feed Grade	DHG-67-3/00-KNKL	Bổ sung vitamin		Degussa Huls.Germany	Germany
1912	Vitamine E 50%	285-9/07-CN	Bổ sung vitamin E trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Miavit GmbH	Germany
1913	Whey powder partially delactosed (MAK 18)	56-02/12-CN	Bột whey đã được tách một phần lactose, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc	Dạng bột, màu kem	Bayerische Milchindustrie EG	Germany
1914	Zinteral 35	204-7/11-CN	Bổ sung khoáng Kẽm (Zn) vô cơ từ oxit kẽm (ZnO) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu xám	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG	Germany
1915	Zy Phytase Ii	LD-500-4/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Hạt màu nâu nhạt	Lohmann Animal Health Gmbh& Co.K.G	Germany

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1916	Biomun	172-7/11-CN	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc (hỗn hợp axit hữu cơ, chiết xuất nấm men Saccharomyces cerevisiae và propylene glycol) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	Innov AD S.A	Greece
1917	Escent	27-01/11-CN	Bổ sung chất khử hoạt tính mycotoxin (khoáng tự nhiên, nấm men bất hoạt và chiết xuất nấm men) trong thức ăn chăn nuôi và nước uống cho vật nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Innov AD S.A	Greece
1918	Escent L	26-01/11-CN	Bổ sung chất khử hoạt tính mycotoxin (axit citric, nấm men bất hoạt, chiết xuất nấm men, axit lactic, H_3PO_4 và Propylene glycol) trong thức ăn chăn nuôi và nước uống cho vật nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	Innov AD S.A	Greece
1919	Escent S	65-02/11-CN	Bổ sung chất khử độc tố mycotoxin (khoáng tự nhiên, sản phẩm từ nấm men và muối axit hữu cơ) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Innov AD S.A	Greece

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1920	Magnet	110-3/11-CN	Bổ sung hỗn hợp khoáng tự nhiên, chiết xuất nấm men và nấm men bất hoạt trong thức ăn chăn nuôi nhằm hấp phụ độc tố mycotoxin	Dạng bột, màu nâu nhạt	Innov AD S.A	Greece
1921	Mellis T	23-01/11-CN	Bổ sung chất tạo ngọt (Saccharin, Neohesperidine dihydrochalcone) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Innov AD S.A	Greece
1922	Novicid	13-01/11-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ (axit lactic và axit formaic) trong thức ăn chăn nuôi nhằm giảm độ pH đường tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột, màu nâu	Innov AD S.A	Greece
1923	Novicid 12 PS	14-01/11-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và vô cơ (axit H_3PO_4, axit formic, citric và fumaric) trong thức ăn chăn nuôi nhằm giảm độ pH đường tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà	Innov AD S.A	Greece
1924	Novicid ES L	15-01/11-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và vô cơ (axit H_3PO_4, axit formic, acetic,	Dạng lỏng, màu nâu	Innov AD S.A	Greece

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			propionic và sorbic) trong thức ăn chăn nuôi nhằm giảm độ pH đường tiêu hóa vật nuôi			
1925	Novicid S	18-01/11-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối axit hữu cơ (axit formic, axit lactic và Natri formate) trong thức ăn chăn nuôi nhằm giảm độ pH đường tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột, màu nâu	Innov AD S.A	Greece
1926	Novicid YY	269-9/11-CN	Bổ sung chất axit hóa (axit Lactic, axit Formic và Natri Formate) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng tiêu hóa cho vật nuôi	Dạng bột, màu nâu	Innov AD S.A	Greece
1927	Novigest V	79-3/11-CN	Bổ sung hỗn hợp các chất nhũ hóa và các acid hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Innov AD S.A	Greece
1928	Novimold	16-01/11-CN	Bổ sung chất chống mốc (canxi propionate, axit citric và sorbic) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Innov AD S.A	Greece

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1929	Novimold L	17-01/11-CN	Bổ sung chất chống nấm mốc, nấm men (H_3PO_4, ammonium propionate, axit sorbic, propionic và chất nhũ hóa) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng nâu	Innov AD S.A	Greece
1930	Novinat V	78-3/11-CN	Bổ sung chất tạo mùi (chiết xuất từ tỏi và hương thảo mộc) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu xám	Innov AD S.A	Greece
1931	Novinox	20-01/11-CN	Bổ sung các chất chống oxy hóa (BHT, axit citric và ethoxyquin) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Innov AD S.A	Greece
1932	Novinox L	22-01/11-CN	Bổ sung các chất chống oxy hóa (BHT, BHA và ethoxyquin) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	Innov AD S.A	Greece
1933	Novinox SV	21-01/11-CN	Bổ sung các chất chống oxy hóa (BHA, BHT, ethoxyquin, Propyl gallate và axit citric) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Innov AD S.A	Greece

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1934	Novioro Y 20	24-01/11-CN	Bổ sung chất tạo màu đỏ lòng trứng gia cầm (chất chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng sẫm	Innov AD S.A	Greece
1935	Novipel S	25-01/11-CN	Bổ sung chất kết dính ($CaSO_4$ và chiết xuất từ đậu Guar) trong sản xuất thức ăn công nghiệp ép viên	Dạng bột, màu trắng ngà	Innov AD S.A	Greece
1936	Novitech V	77-3/11-CN	Bổ sung dinh dưỡng (hỗn hợp axit amin, axit béo, khoáng Selen, sản phẩm từ tế bào nấm men bất hoạt, chiết xuất thực vật) và các chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Innov AD S.A	Greece
1937	Novyrate C	19-01/11-CN	Bổ sung muối axit hữu cơ (Natri Butyrate) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng viên bao phim, màu trắng	Innov AD S.A	Greece
1938	Novyrate S	173-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ (axit propionic, axit sorbic) và muối natri butyrate trong thức ăn chăn nuôi	Dạng viên bao phim, màu trắng	Innov AD S.A	Greece

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1939	Detoxa Plus 2	295-10/07-CN	Bổ sung chất hấp phụ độc tố Mycotoxin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Dr. Bata Hungarian-Canadien BioTechnological R&D Ltd	Hungary
1940	Ekodiár	334-11/11-CN	Bổ sung hương liệu tạo mùi (hỗn hợp Thymol và Carvacrol) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng đậm	Eko-Pharma Kft	Hungary
1941	Ekodiár Plusz	234-8/11-CN	Bổ sung hương liệu tạo mùi (hỗn hợp Thymol và Carvacrol) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Eko-Pharma Kft	Hungary
1942	3-CARE	239-5/05-NN	Hợp chất chức Quinol dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xanh	Provimi Animal Nutrition India Private Limited	India
1943	Acidomix	277-7/10-CN	Phụ gia, bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột	Venky's (India) Limited	India
1944	Acidovet-L	286-9/11-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ (axit formic, propionic, acetic, lactic và citric) cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, không màu trong suốt	VETBIOCHEM India PVT. Ltd	India
1945	Aciplex	84-3/12-CN	Bổ sung chất axit hóa (hỗn hợp axit hữu cơ và muối của chúng) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Advanced Bio-Agro Tech Limited	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1946	Adphos	171-7/11-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu trắng	Advanced Enzyme Technologies Ltd	India
1947	Amylex	232-10/06-CN	Bổ sung enzyme tiêu hóa tinh bột (amylase) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Biocon Limited	India
1948	Ashitox	174-06/09-CN	Hỗn hợp axit hữu cơ giúp ngăn cản sản sinh độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Ashish Life Science Pvt. Ltd	India
1949	Ashitox - H	01-01/12-CN	Khoáng tự nhiên (Hydrated Sodium Calcium Alumi-nosilicate), bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm hấp phụ độc tố nấm mốc	Dạng bột, màu từ nâu nhạt đến nâu đậm	Ashish Life Science Pvt. Ltd	India
1950	Avisol Premix	360-9/10-CN	Phụ gia, bổ sung các vitamin và vi khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu kem	Venky's (India) Limited	India
1951	Avsorb Forte	124-4/11-CN	Hỗn hợp khoáng tự nhiên HSCAS, cacbon hoạt tính và axit hữu cơ, được sử dụng làm chất hấp phụ độc tố trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Avitech Nutrition Pvt. Ltd	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1952	Ayucal D Premix	DAY-13-8/99-KNKL	Bổ sung Ca, P, Vitamin D3.....		Ayurvet Ltd., Village Katha, Baddi, H.P	India
1953	Ayucee premix	352-10/08-CN	Bột thảo dược dùng để bổ sung Vitamin C và Biofla-vonoid vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Ayurvet Limited	India
1954	Ayufytase 5000 premix	351-10/08-CN	Bột thảo dược dùng để bổ sung phytase vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Ayurvet Limited	India
1955	Ban-Tox	369- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	B.V Bio-Corp Pvt. Ltd	India
1956	Bayzyme	138-04/06-CN	Cung cấp các loại Enzyme giúp tiêu hóa đạm, tinh bột và xơ	Dạng bột, màu trắng kem	Biocon India Ltd.	India
1957	Bazyme NSP	137-5/07-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng kem	Biocon Limited	India
1958	Bergapur	362-12/06-CN	Lecithin tinh khiết dạng bột. Chất nhũ hóa thực vật, giúp cải thiện tiêu hóa	Dạng bột, màu nâu nhạt đến vàng	Synergy Foods Pvt., Ltd	India
1959	Bergathin	96-3/07-CN	Lecithin đậu nành, bổ sung chất nhũ hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu đậm	Synergy Foods Private Limited	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1960	Beta-glucan	76-3/12-CN	Bổ sung prebiotic (beta-glucan, mannanOligo Saccharides) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng	PVS Laboratories Limited	India
1961	Bio Liv	286-10/06-CN	Bổ sung hỗn hợp chất chiết xuất của gan, các acid amin và vitamin nhằm cải thiện chức năng gan của vật nuôi	Dạng bột, màu xám	Polchem Hygiene Laboratories Pvt., Ltd	India
1962	BioCholine Powder	307-7/10-CN	Thảo mộc, cung cấp Choline tự nhiên trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn màu xám nhạt	Indian Herbs Research & Supply Co., Ltd	India
1963	Biograin	82-3/12-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa cho gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu trắng	Advanced Bio-Agro Tech Limited	India
1964	Biosmart - P	187-7/11-CN	Bổ sung các axit amin và khoáng trong thức ăn cho gia cầm	Dạng lỏng, màu nâu	VETBIOCHEM India PVT. Ltd	India
1965	Biospark-V	371- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem	Venky’s (India) Limited	India
1966	Biospark-V	249-6/10-CN	Bổ sung Protein, khoáng, chiết xuất nấm men và Carbohydrate trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Venky's (India) limited	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1967	Calcivite H	253-08/06-CN	Thức ăn bổ sung khoáng và vitamin cho gia súc gia cầm	Dạng dung dịch, màu hồng	Intercorp Biotech Limited, Enteprise	India
1968	Cellulex	231-10/06-CN	Bổ sung enzyme tiêu hóa xơ (cellulase) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Biocon Limited	India
1969	Check - O - Tox	225-08/06-CN	Bổ sung chất chống độc tố nấm mốc trong TACN	Dạng bột, màu trắng ngà	Harshvardhan's Laboratories PVT. Ltd	India
1970	Choline Chloride 60% Dry	VO-251-8/00-KNKL	Bổ sung Vitamin nhóm B	Dạng bột, màu nâu	Vam Organic Chemicals Ltd	India
1971	CMP-1	276-7/10-CN	Phụ gia, bổ sung Diclazuril trong thức ăn gia cầm	Dạng bột. màu trắng	Venky's (India) Limited	India
1972	CMP-200	364- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung Diclazuril trong thức ăn chăn nuôi phòng bệnh cầu trùng	Dạng bột, màu trắng	Venky's (India) Limited	India
1973	Confical	104-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng và chiết xuất từ thực vật cho gia súc, gia cầm	Dạng sệt, màu hồng	Salus Pharmaceuticals	India
1974	Copper Chelate of amino acids 10%	286-8/08-CN	Phụ gia bổ sung Đồng (Cu) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xanh	Priya Chemicals	India
1975	Corn Gluten Meal	VI-1394-12/02-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN		Vijaya Enterprises	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1976	Corn Gluten Meal	VA-725-10/02-KNKL	Bổ sung dinh dưỡng trong TĂCN	Bột màu vàng	Vijaya Enterprises	India
1977	Coxynil	164-7/11-CN	Phụ gia, bổ sung hương liệu chiết xuất từ thực vật trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Growell India	India
1978	Coxynil Liquid	167-7/11-CN	Phụ gia, bổ sung hương liệu chiết xuất từ thực vật trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu trắng đến vàng nhạt	Growell India	India
1979	Ecomos	287-10/06-CN	Bổ sung prebiotic (gluco-mannans) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm	Dạng bột, màu vàng vỏ trấu	Polchem Hygiene Laboratories Pvt., Ltd	India
1980	Elimin-8	247-6/10-CN	Bổ sung axit hữu cơ (Organic) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu trắng trong	Venky's (India) limited	India
1981	Fe-Folate	367- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung sắt và vitamin cho động vật cản	Dạng lỏng màu nâu sẫm	Venky’s (India) Limited	India
1982	Fermento	288-10/06-CN	Bổ sung chất tổng hợp sinh học (probiotic và prebiotic) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng vỏ trấu	Polchem Hygiene Laboratories Pvt., Ltd	India
1983	Fred Sel-E (Liquid)	08-01/12-CN	Bổ sung vitamin E và Selen cho gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Fredun Pharmaceuticals Limited	India
1984	Freds	10-01/12-CN	Bổ sung vitamin nhóm B và axit amin cho gia cầm	Dạng lỏng, màu đỏ	Fredun Pharmaceuticals Limited	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1985	Fretone - V	09-01/12-CN	Bổ sung premix vitamin A, D_3, E và C cho gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng	Fredun Pharmaceuticals Limited	India
1986	Growell	166-7/11-CN	Phụ gia, bổ sung hương liệu chiết xuất từ thực vật trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu đen	Growell India	India
1987	Growell Liquid	169-7/11-CN	Phụ gia, bổ sung hương liệu chiết xuất từ thực vật trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu đen	Growell India	India
1988	Hepaboost	108-3/12-CN	Bổ sung hỗn axit amin, vitamin B và Magiê cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng	Vetlife Pharmaceuticals	India
1989	Hepato Care	251-8/11-CN	Hỗn hợp các chất dinh dưỡng (tricholine citrate, các vitamin, axit amin, inositol, Selen) bổ sung cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện/chức năng gan, tăng năng suất vật nuôi	Dạng dung dịch, màu nâu đen	Varsha Multi Tech	India
1990	Herbal C Powder	308-7/10-CN	Thảo mộc, cung cấp vitamin C tự nhiên trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn màu nâu nhạt	Indian Herbs Research & Supply Co., Ltd	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1991	Herbal E Powder	309-7/10-CN	Thảo mộc, cung cấp vitamin E tự nhiên trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, mịn màu nâu xanh	Indian Herbs Research & Supply Co., Ltd	India
1992	Hiprovit-1	118-4/11-CN	Bổ sung protein, premix khoáng vi lượng và vitamin cho gia súc, gia cầm	Dạng dung dịch, màu nâu	Intercorp Biotech Limited	India
1993	Immovac Plus	62-02/12-CN	Bổ sung vitamin E, Selen, Biotin và axit Folic cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng	PVS Laboratories Limited	India
1994	Immunex	59-02/12-CN	Hỗn hợp các chiết xuất thực vật, bổ sung cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện sức đề kháng của vật nuôi	Dạng lỏng, màu xám đen	PVS Laboratories Limited	India
1995	Immuno-Tech	170-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme nguồn gốc từ thực vật trong thức ăn chăn nuôi cho gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng sệt	Advanced Enzyme Technologies Ltd	India
1996	Immuno-Tech Powder	83-3/12-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Advanced Bio-Agro Tech Limited	India
1997	Intermix WDS	89-3/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin A, C, D, E và axit amin Lysine, Methionine cho vật nuôi	Dạng dung dịch, màu vàng	Intercorp Biotech Limited	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1998	Lipidin	123-4/11-CN	Bổ sung Lecithin đậu tương thủy phân trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Avitech Nutrition Pvt. Ltd	India
1999	Livamin Forte	189-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp các vitamin, axit amin và khoáng trong thức ăn cho gia cầm	Dạng lỏng, màu nâu	VETBIOCHEM India PVT. Ltd	India
2000	Livamin H	190-7/11-CN	Bổ sung chất chiết xuất từ thực vật trong thức ăn cho gia cầm	Dạng lỏng, màu nâu	VETBIOCHEM India PVT. Ltd	India
2001	Livdigest	90-03/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin; inositol; chất chiết xuất từ nấm men, gan, thực vật cho vật nuôi nhằm cải thiện chức năng giải độc của gan	Dạng dung dịch, màu nâu	Intercorp Biotech Limited	India
2002	Lotus VM	290-10/07-CN	Bổ sung premix khoáng và vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho gà	Dạng bột, màu trắng mờ	Saideep Exports Pvt. Ltd	India
2003	Lumi Phytase 10X	197-5/10-CN	Bổ sung enzyme Phytase nhằm cải thiện lượng Phospho trong thức ăn cho gia súc	Dạng bột, màu trắng ngà đến nâu	Lumis Biotech Pvt, Ltd	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2004	Lumi Phytase 5XG	196-5/10-CN	Bổ sung enzyme Phytase nhằm cải thiện lượng Phospho trong thức ăn cho gia súc	Dạng hạt, màu trắng ngà đến nâu	Lumis Biotech Pvt, Ltd	India
2005	Luminase 1680	113-3/12-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng đến màu nâu nhạt	Lumis Biotech Pvt., Ltd	India
2006	Luminase 2300	347-8/10-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà đến nâu nhạt	Lumis Biotech Pvt. Ltd	India
2007	Luminase 2320	348-8/10-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà đến nâu nhạt	Lumis Biotech Pvt. Ltd	India
2008	Luminase 6550	349-8/10-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà đến nâu nhạt	Lumis Biotech Pvt. Ltd	India
2009	Luminase 7250	350-8/10-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà đến nâu nhạt	Lumis Biotech Pvt. Ltd	India
2010	Manganese Oxide 62%	104-12/04-NN	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xanh xám	Manmohan International Contracting	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2011	Manganese Oxide 62%	MI-1555-7/03-KNKL	Bổ sung Mn trong TĂCN		Manmohan International Contracting	India
2012	Manganous Cxide 62%	NV-110-4/01-KNKL	Bổ sung chất khoáng (Mn)	Dạng bột, màu nâu xanh	Superfine Minerals	India
2013	Manganous Oxide 62% (Manganese Oxide 62%)	AA-1792-03/04-NN	Bổ sung khoáng trong TĂCN		Armine Exports Ltd	India
2014	Maxigest	243-8/07-CN	Phụ gia thức ăn nhằm bổ sung Enzyme phytase cho thức ăn gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Advanced Enzyme Technologies Ltd	India
2015	Maxigrain	289-10/06-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng vỏ trấu	Polchem Hygiene Laboratories Pvt., Ltd	India
2016	Metazyme B	125-4/11-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Avitech Nutrition Pvt. Ltd	India
2017	Methiorep premix	349-10/08-CN	Bột thảo dược dùng để bổ sung Methionin vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Ayurvet Limited	India
2018	Non GMO Soya Lecithin Food Grade	126-5/08-CN	Bổ sung Lecithin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu hổ phách (nâu vàng)	Gujarat Ambuja Exports, Ltd	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2019	Nutritase 5000	11-01/12-CN	Bổ sung enzyme phytase trong thức ăn chăn nuôi gia cầm	Dạng hạt, màu vàng	Fredun Pharmaceuticals Limited	India
2020	Optiphos DS	361- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung enzyme phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu nâu sáng đến kem	Venky's (India) Limited	India
2021	P-Cal-D_3	61-02/12-CN	Bổ sung canxi, phôtpho và vitamin D_3 cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu hồng	PVS Laboratories Limited	India
2022	Pet-Cal	123-04/09-CN	Bổ sung premix khoáng, vitamin cho chó, mèo	Dạng viên, màu trắng ngà	Pfizer Animal Health, USA (Nhà máy sản xuất: Emcure Pharmaceuticals Ltd.)	India
2023	Petspark	365- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung các chất dinh dưỡng trong thức ăn cho động vật cảnh	Dạng lỏng màu nâu sẫm	Venky's (India) Limited	India
2024	Pet-Tabs	124-04/09-CN	Bổ sung premix khoáng, vitamin cho chó	Dạng viên, màu trắng hơi nâu	Pfizer Animal Health, USA (Nhà máy sản xuất: Emcure Pharmaceuticals Ltd.)	India
2025	Pet-Tabs Plus	125-04/09-CN	Bổ sung premix khoáng, vitamin cho chó.	Dạng viên, màu trắng hơi nâu	Pfizer Animal Health, USA (Nhà máy sản xuất: Emcure Pharmaceuticals Ltd.)	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2026	Probee	42-02/09-CN	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi cho đường ruột vật nuôi và enzyme phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Intercorp Biotech Limited Enterprise	India
2027	Probee	271-09/06-CN	Bổ sung men vi sinh, vitamin và acid hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Intercorp Biotech Limited, Enterprise	India
2028	Promix Total	105-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin, probiotic và chiết xuất từ thực vật cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Salus Pharmaceuticals	India
2029	Protein Plus	60-02/12-CN	Bổ sung premix khoáng, vitamin, axit amin, protein thủy phân cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu hồng	PVS Laboratories Limited	India
2030	Proteinex	230-10/06-CN	Bổ sung enzyme tiêu hóa protein (protease) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Biocon Limited	India
2031	Repchol premix	348-10/08-CN	Bột thảo dược dùng để bổ sung Cholin và Biotin vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Ayurvet Limited	India
2032	Respowell	165-7/11-CN	Phụ gia, bổ sung hương liệu chiết xuất từ thực vật trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng đến xanh nhạt	Growell India	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2033	Respowell Liquid	168-7/11-CN	Phụ gia, bổ sung hương liệu chiết xuất từ thực vật trong thức ăn chăn nuôi	- Dạng lỏng, màu trắng đến vàng nhạt	Growell India	India
2034	Ricol Korma Meal	23-01/08-CN	Khô dầu đậu Guar dùng làm nguyên liệu bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng mảnh, màu vàng nhạt lẫn xanh	Rama Industries	India
2035	Ruchamax	147-6/07-CN	Bột thảo dược và khoáng chất nhằm bổ sung các chất bổ và khoáng vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Ayurvet Limited	India
2036	SaiVit Layer Premix	370-12/07-CN	Thức ăn bổ sung nhằm bổ sung vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho gà đẻ	Dạng bột, màu kem	Saideep Exports Pvt. Ltd. India	India
2037	Salcochek Premix	382-12/11-CN	Hỗn hợp thảo dược, dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa của vật nuôi	Dạng bột, màu xám	Ayurvet Limited	India
2038	SD-MOS	353-11/07-CN	Phụ gia bổ sung acid hữu cơ và chất chống mốc trong thức ăn cho gia cầm	Dạng bột, màu nâu	Saideep Exports Pvt	India
2039	Sebphytase 2MG	242-8/07-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Advanced Enzyme Technologies Ltd	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2040	Sebphytase 2MG	242-8/07-CN	Phụ gia thức ăn nhằm bổ sung Enzyme phytase cho thức ăn gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Advanced Enzyme Technologies Ltd	India
2041	Selenium chelate of amino acids 2%	287-8/08-CN	Phụ gia bổ sung Selen hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng nhạt	Priya Chemicals	India
2042	Selenium chelate of amino acids with yeast	288-8/08-CN	Phụ gia bổ sung Selen hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Priya Chemicals	India
2043	Selvie WD	117-4/11-CN	Bổ sung vitamin E và Selen cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Intercorp Biotech Limited	India
2044	Selvit- E DS	362- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung vitamin E và selen trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Venky’s (India) Limited	India
2045	Selvit-E	248-6/10-CN	Bổ sung Vitamin E và Selenium trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Venky's (India) limited	India
2046	Sequcal	459-11/10-CN	Dung dịch Canxi bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm cung cấp canxi cho gia cầm	Dạng dung dịch, màu đỏ thẫm	Sequent Scientific Limited	India
2047	Sequvit	460-11/10-CN	Bổ sung aminoacid, vitamin và khoáng chất trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Sequent Scientific Limited	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2048	Solex-M	245-6/10-CN	Bổ sung Canxi và Vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu vàng nhạt	Venky's (India) limited	India
2049	Soya Lecithin (P) Liquid Food Grade	SP-335-10/01-KNKL	Bổ sung chất béo trong TĂCN	Dạng lỏng màu nâu đậm	Sonic Biochem Extractions PVT. Ltd	India
2050	Soya Lecithin Liquid	RA-501-4/02-KNKL	Chống ôxy hóa trong TĂCN		Ruchi Soya Industries Limited	India
2051	Soya Lecithin Liquid (Feed Grade)	144-5/07-CN	Phụ phẩm từ quá trình sấy dầu đậu nành nhằm bổ sung chất béo trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu đậm	Vippy Industries Ltd	India
2052	Stresomix Powder	266-8/08-CN	Bổ sung hỗn hợp bột thảo dược trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Ayurvet Limited	India
2053	Stress Reliver	186-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp các vitamin A, E, D_3 và C trong thức ăn cho gia cầm	Dạng lỏng trong, màu vàng	VETBIOCHEM India PVT. Ltd	India
2054	Stresvel	243-6/10-CN	Bổ sung Vitamin A, D, E và C trong thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu vàng	Venky's (India) limited	India
2055	Superfine Bentonite Powder	KI-1760-11/03-NN	Bổ sung khoáng trong TĂCN		Khim Jee Hunsraj	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2056	Superliv Concentrate	DAY-11-8/99-KNKL	Chất chống nấm, độc tố nấm bổ sung trong thức ăn chăn nuôi và tăng khả năng sử dụng thức ăn chăn nuôi	Dạng bột.	Ayurvet Ltd., Village Katha, Baddi, H.P	India
2057	Tartrazine	105-04/09-CN	Phụ gia nhằm bổ sung chất tạo màu trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu da cam	Standardcon Pvt. Ltd	India
2058	TM-7 Trace Mineral Premix	291-10/07-CN	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn	Dạng bột, màu kem	Saideep Exports Pvt. Ltd	India
2059	Toxiroak Gold Premix	381-12/11-CN	Bổ sung chất chống mốc và hấp phụ độc tố Mycotoxin (bao gồm: hỗn hợp axit hữu cơ, Zeolite, $CuSO_4$, Manan Oligosac-charide và hỗn hợp thảo dược) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu xám	Ayurvet Limited	India
2060	Toxiroak Premix	DAY-12-8/99-KNKL	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột	Ayurvet Ltd., Village Katha, Baddi, H.P	India
2061	U.T.P.P. Nucleus	342-11/11-CN	Chất tạo mùi thơm (chứa tinh dầu cam), dùng làm phụ gia sản xuất chất hấp	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt	Provimi Animal Nutrition India Pvt. Ltd	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			phụ độc tố trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm			
2062	Upliv Forte	246-6/10-CN	Bổ sung các loại Vitamin B_1, B_{12}, D- Panthenol, DL-Methionin, chiết xuất gan, chiết xuất nấm men, L-Lysin, muối khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu nâu	Venky's (India) limited	India
2063	UPLIV-H LIQUID	250-6/10-CN	Thảo dược bổ sung trong thức ăn gia cầm để nâng cao sức đề kháng	Dạng dung dich, màu nâu	Venky's (India) Limited	India
2064	Upliv-H Premix	363- 9/10-CN	Thảo dược, bổ sung vào thức ăn để phòng bệnh cho vật nuôi	Dạng bột, màu xanh	Venky's (India) Limited	India
2065	UTPP Biotech	19-1/07-CN	Chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu đen xám	Tetragon Chemie Pvt. Ltd	India
2066	Vencal -P	366- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung vitamin và khoáng chất cho động vật cảnh	Dạng lỏng màu nâu sẫm	Venky's (India) Limited	India
2067	Vengro Drops	368- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung các vitamin cho động vật cảnh	Dạng lỏng màu hổ phách	Venky's (India) Limited	India
2068	Venlyte	244-6/10-CN	Bổ sung Canxi và Vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Venky's (India) limited	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2069	Ventrimin - 17	370- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung vitamin và vi khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	B.V Bio-Corp Pvt. Ltd	India
2070	Verol Drops	221-7/08-CN	Bổ sung hỗn hợp axit amin và vitamin cho chó, mèo	Dạng lỏng, màu nâu đỏ	RFCL Limited	India
2071	Verol Syrup	222-7/08-CN	Bổ sung hỗn hợp axit amin và vitamin cho chó, mèo	Dạng lỏng, màu nâu đỏ	RFCL Limited	India
2072	Vetbio E + Se	188-7/11-CN	Bổ sung vitamin E và selen trong thức ăn cho gia cầm	Dạng bột, màu trắng	VETBIOCHEM India PVT. Ltd	India
2073	Vetbiolyte	287-9/11-CN	Bổ sung chất điện giải (hỗn hợp muối của axit vô cơ và axit hữu cơ, vitamin C) cho gia súc, gia cầm	Dạng tinh thể, màu trắng	VETBIOCHEM India PVT. Ltd	India
2074	Vetbiosol Premix	185-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp các vitamin và khoáng trong thức ăn cho gia cầm	Dạng hạt, màu kem	VETBIOCHEM India PVT. Ltd	India
2075	Vetcal Phos	106-3/12-CN	Bổ sung Canxi, Phốtpho và premix vitamin cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu hồng	Vetlife Pharmaceuticals	India
2076	Vetliv	107-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và axit amin cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng	Vetlife Pharmaceuticals	India

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2077	Vilocym Z premix	350-10/08-CN	Bột thảo dược dùng để bổ sung chất chống nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Ayurvet Limited	India
2078	Vitabio	75-3/12-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng	PVS Laboratories Limited	India
2079	Vitaminoxy	88-03/11-CN	Bổ sung hỗn hợp các loại vitamin, kháng sinh (Neomycin sulphate và Oxytetracycline HCl) cho vật nuôi nhằm tăng khả năng sinh trưởng và sức đề kháng của vật nuôi	Dạng bột, màu trắng kem	Sequent Scientific Limited	India
2080	Zinc Oxide	439-11/10-CN	Phụ gia, bổ sung kẽm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Rubamin Limited	India
2081	Zinc Oxide	325-10/11-CN	Bổ sung Kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm	Dạng bột, màu nâu nhạt	Rubamin Limited	India
2082	ADE SOLE	75-03/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin A, D, E cho gia súc và gia cầm	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt	PT. Trouw Nutrition Indonesia	Indonesia
2083	Aminovit	239-07/09-CN	Bổ sung premix vitamin, axit amin và các chất điện giải cho gia cầm	Dạng bột, màu nâu nhạt	PT Medion Farma Jaya	Indonesia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2084	BB4 PIG Supplement	255-5/05-NN	Bổ sung chất Carbohydrate trong thức ăn cho lợn	Dạng bột màu vàng	PT WIRIFA SAKTI	Indonesia
2085	Biscuit Meal	305-7/10-CN	Bột bánh quy cung cấp protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Gunungmas Maju Jaya, PT	Indonesia
2086	Bm-Zeo 157	HD-250-8/00-KNKL	Kết dính các độc tố myco-toxin, cation độc ammonium	Bột màu trắng ngà	Pt. Hasmindo Dinamika	Indonesia
2087	Bm-Zeo 157 Zeolite Green Activated Granular	BI-330-10/01-KNKL	Làm giảm độc tố nấm trong TĂCN		Bintang Baru.	Indonesia
2088	Bm-Zeo 157 Zeolite Green Activated Powder	BI-329-10/01-KNKL	Làm giảm độc tố nấm trong TĂCN		Bintang Baru	Indonesia
2089	Broiler Vita	238-07/09-CN	Bổ sung premix vitamin và axit amin cho gia cầm	Dạng bột, màu nâu nhạt	PT Medion Farma Jaya	Indonesia
2090	Cell Protein (CJ Prosin)	PI-1704-9/03-KNKL	Bổ sung đạm trong TĂCN		PT Cheil Samsung	Indonesia
2091	Copra Extraction Pellet	CP-261-8/00-KNKL	Khô dầu dừa (bã cơm dừa) Phụ phẩm chế biến dầu dừa được dùng làm nguyên liệu chế biến TĂCN	Màu nâu	Copra	Indonesia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2092	Fortevit	405-11/08-CN	Bổ sung nguồn vitamin, acid folic và canxi trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt có hạt đỏ	PT. Medion	Indonesia
2093	Green Zeolite (Powder/Round Pellet)	ZI-384-11/01-KNKL	Bổ sung chất hấp phụ độc tố trong TĂCN	Dạng bột	Pb. Kurnia	Indonesia
2094	Maxcare	59-03/09-CN	Premix vitamin và khoáng dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	PT. Trouw Nutrition Indonesia	Indonesia
2095	Medimilk	403-11/08-CN	Bột sữa gầy tiệt trùng dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng trắng	PT. Medion	Indonesia
2096	Mineral Babi	402-11/08-CN	Premix khoáng và vitamin B_{12} dùng kích thích sinh trưởng cho lợn	Dạng bột, màu xám trắng	PT. Medion	Indonesia
2097	Mixtovit P-50	58-03/09-CN	Premix vitamin và khoáng dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	PT. Trouw Nutrition Indonesia	Indonesia
2098	Neobro	401-11/08-CN	Premix vitamin, khoáng và acid amin dùng kích thích sinh trưởng cho gà thịt	Dạng bột, màu nâu nhạt xen lẫn nâu đỏ	PT. Medion	Indonesia
2099	Optima 100	373- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu trắng.	PT. Asianagro Agungjaya	Indonesia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2100	Optima 300	353-8/10-CN	Phụ gia, bổ sung axit hữu cơ và lecithin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu vàng nhạt	PT. Asianagro Agungjaya	Indonesia
2101	Optimin® Se Y	279- 7/10-CN	Phụ gia, bổ sung khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	PT. Trouw Nutrition Indonesia	Indonesia
2102	Perfexsol-H	285-7/10-CN	Hỗn hợp các vitamin hòa tan bổ sung vitamin cho vật nuôi qua đường uống	Dạng bột, màu vàng	PT. Trow Nutrition Indonesia	Indonesia
2103	Perfexsol-L	284-7/10-CN	Hỗn hợp các vitamin hòa tan bổ sung vitamin cho vật nuôi qua đường uống	Dạng bột, màu vàng	PT. Trouw Nutrition Indonesia	Indonesia
2104	Powder Fat - Optima 999	141-5/11-CN	Sản phẩm từ dầu cọ (có bổ sung thêm lecithin), được dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà	PT. Asianagro Agungjaya	Indonesia
2105	Puyuh Medi Egg	240-07/09-CN	Bổ sung premix vitamin, axit amin và các chất điện giải cho cút đẻ	Dạng bột, màu nâu lẫn vàng	PT Medion Farma Jaya	Indonesia
2106	Strong Egg	404-11/08-CN	Bổ sung nguồn acid amin, vitamin và canxi vô cơ cho gà giúp tăng sản lượng trứng	Dạng bột, màu nâu vàng	PT. Medion	Indonesia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2107	VITA SOLE	76-3/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin cho gia súc và gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	PT. Trouw Nutrition Indonesia	Indonesia
2108	Vita Stress	406-11/08-CN	Bổ sung nguồn vitamin và chất điện giải trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	PT. Medion	Indonesia
2109	Zeolite Granular	PI-1640-8/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN		PT Buana Inti Sentosa. Bychem Ltd	Indonesia
2110	Zeolite Natural	DI-1718-10/03-NN	Bổ sung khoáng và vi lượng trong TĂCN		Dwijaya Perkasa Abdi	Indonesia
2111	Zeolite Powder	PI-1641-8/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN		PT Buana Inti Sentosa. Bychem Ltd	Indonesia
2112	Super -Vit For Layers	FP-167-6/00-KNKL	Chất bổ sung vitamin, khoáng vi lượng		Franklin pharmaceuticals	Ireland
2113	Copper Sulphat Pentahydrate	NW-56-1/00-KNKL	Bổ sung khoáng		Timna	Israel
2114	Copper Sulphate Pentahydrate	TI-529-5/02-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN	Dạng bột	Timna Copper	Israel
2115	K-LAC-E ® Edible Lactose (Lactose 200 mesh)	BI-1585-7/03-KNKL	Bổ sung đường Lactose trong TĂCN		Ba.emek Advanced Technologies Ltd.Israel	Israel

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2116	Soya Lecithin Liquid (Feed grade)	315-9/08-CN	Phụ phẩm từ quá trình sấy dầu đậu nành nhằm bổ sung chất béo trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu đậm	Solbar Hatzor Ltd	Israel
2117	AciPEARL ™ brand	82-03/11-CN	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng viên bọc, màu nâu	Eurhema S.R.L	Italy
2118	Act-Ione Cu 100	AI-1356-12/02-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN		Agristudio Srl	Italy
2119	Act-Ione Fe 100	AI-1357-12/02-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN		Agristudio Srl	Italy
2120	Act-Ione Mn 90	AI-1358-12/02-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN		Agristudio Srl	Italy
2121	Act-Ione Zn 100	AI-1355-12/02-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN		Agristudio Srl	Italy
2122	Alphamune G	26-01/08-CN	Phế phụ phẩm từ sản xuất bia rượu, dùng bổ sung β-glucan và mannans (prebiotic) trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng hệ thống miễn dịch cho vật nuôi	Dạng hạt tơi, màu nâu	Farzoo S.r.l	Italy
2123	Aminovitamin Super	56-02/08-CN	Hỗn hợp vitamin và acid amin dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng đến màu nâu nhạt	Ascor Chimici S.R.L	Italy

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2124	Ascorequil	55-02/08-CN	Hỗn hợp vitamin và acid amin dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu hồng hoặc hồng xám	Ascor Chimici S.R.L	Italy
2125	ButiPEARL™ brand	83-03/11-CN	Bổ sung axit butyric và muối butyrate trong thức ăn chăn nuôi	Dạng viên bọc, màu trắng kem	Eurhema S.R.L	Italy
2126	Cerqual	DI-1533-6/03-KNKL	Bổ sung chất chống mốc trong TĂCN	Bột, màu vàng cam	Dox.AL S.p.A	Italy
2127	Cerqual	DI-1433-02/03-KNKL	Bổ sung chất chống mốc trong TĂCN		Dox.Al S.P.A	Italy
2128	Choline Chloride 60%	AN-340-12/00-KNKL	Bổ sung vitamin nhóm B trong TĂCN	Dạng bột, màu nâu, vàng nhạt	Akzo Nobel	Italy
2129	Co 5% BMP	DI-1430-02/03-KNKL	Bổ sung Coban (Co) trong TĂCN		Dox.Al S.P.A.	Italy
2130	Dextrose Englandydrous	RI-1733-10/03-NN	Bổ sung năng lượng trong TĂCN		Roquette Freres	Italy
2131	Dextrose Monohydrate Roferose M	PY-245-7/01-KNKL	Chất mang cho phụ gia thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu trắng	Roquette	Italy
2132	Dextrose Monohydrate Roferose Standard	PY-310-9/01-KNKL	Bổ sung năng lượng trong thức ăn gia súc		Poquette Freres (Roquite)	Italy

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2133	Digesint	SY-364-10/01-KNKL	Bổ sung các acid có lợi cho đường tiêu hóa		Sintofarm S.P.A	Italy
2134	Echomos	201-5/10-CN	Bổ sung chất chiết xuất vách tế bào men bia (Saccharomyces Cerevisiae) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem sậm	Mazzoleni Prodotti Zootecnici S.R.L	Italy
2135	Ecu Feed Dry	DI-1534-6/03-KNKL	Bổ sung chất chống oxy hóa trong TĂCN	Bột, màu xám nhạt	Dox.AL S.P.A	Italy
2136	Ecu-Feed Dry	DI-1432-02/03-KNKL	Bổ sung chất oxy hóa trong TĂCN		Dox.Al S.P.A	Italy
2137	Formaxol™ brand Dry	80-03/11-CN	Bổ sung hương liệu tự nhiên và axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu trắng vết đỏ vàng	Eurhema S.R.L	Italy
2138	K3 Stab, Feed Grade	RY-610-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin K_3 trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu nhạt	DSM Nutritional Products, Ltd., Site Sisseln	Italy
2139	Lactiplus (Lactiplus Coated line®)	57-02/08-CN	Hỗn hợp các acid hữu cơ dùng bổ sung vào trong thức ăn chăn nuôi	Dạng vi kết viên, màu trắng	Ascor Chimici S.R.L	Italy
2140	Lacto-Butyrin Powder	331-11/11-CN	Bổ sung axit Butyric (đã được este hóa bởi Glycerol) trong thức ăn gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột, màu trắng	SILO S.p.A	Italy

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2141	Lactose	LI-1466-03/03-KNKL	Bổ sung đường trong TĂCN		Lactose Siero Spa	Italy
2142	Levochel Cu 10	AI-1359-12/02-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN		Agristudio Srl	Italy
2143	Levochel Fe 10	AI-1360-12/02-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN		Agristudio Srl	Italy
2144	Levochel Mn 10	AI-1361-12/02-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN		Agristudio Srl	Italy
2145	Levochel Zn 10	AI-1362-12/02-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN		Agristudio Srl	Italy
2146	Menadione Sodium Bisulfite, Feed Grade	RY-609-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin K_3 trong TĂCN	Bột màu nâu nhạt	DSM Nutritional Products, Ltd., Site Sisseln	Italy
2147	Microgran Co 5% BMP	229-4/05-NN	Cung cấp Cobalt cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, hạt mịn, màu canh tím đến hồng nhạt	Istituto delle Vitamine S.p.A	Italy
2148	Microgran I 10% BMP	228-4/05-NN	Cung cấp Iodine cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, hạt mịn, màu trắng nhạt đến xám	Istituto delle Vitamine S.p.A	Italy
2149	Microgran Se 4,5% BMP	230-4/05-NN	Cung cấp Selenium cho gia súc, gia cầm	Dạng hạt mịn, màu xám trắng	Istituto delle Vitamine S.p.A	Italy

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2150	Micromin Co 5% Bmp	DI-1553-6/03-KNKL	Bổ sung Cobalt (Co) trong TĂCN	Hạt, màu hồng hơi tím	Dox.AL S.p.A	Italy
2151	Micromin Se 1% Bmp	DI-1536-6/03-KNKL	Bổ sung Selen (Se) trong TĂCN	Hạt, màu xám nhạt	Dox.AL S.p.A	Italy
2152	Microvit K_3 Promix mpb	AP-1422-02/03-KNKL	Bổ sung Vitamin A, D_3 trong TĂCN	Dạng bột, màu trắng	Adisseo	Italy
2153	Mix-Oil liquid	272-08/09-CN	Phụ gia bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu trắng hoặc vàng sáng	A.W.P. s.r.l. (Animal Wellness Products)	Italy
2154	Mix-Oil powder	273-08/09-CN	Phụ gia bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng sáng	A.W.P. s.r.l. (Animal Wellness Products)	Italy
2155	Phosphate Bicalcique (Dicalcium Phosphate - DCP)	071-11/04-NN	Bổ sung Photpho và Canxi trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Far. Pro. Modena S.p.a	Italy
2156	Protecno 50	396-9/10-CN	Thức ăn đạm thực vật lên men đậm đặc để bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	EUROFEED TECHNOLOGIES, s.r.l	Italy
2157	Repaxol™ brand Dry	81-03/11-CN	Bổ sung hương liệu tự nhiên trong thức ăn chăn nuôi	Dạng viên bọc, màu nâu vàng	Eurhema S.R.L	Italy

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2158	Rovimax^{TM} NX	375- 9/10-CN	Chiết xuất từ nấm men để bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng đến nâu nhạt	Prosol S.P.A	Italy
2159	Saccarube	253-8/08-CN	Bột lõi quả carob, bổ sung đường cho thức ăn chăn nuôi và tăng độ ngon miệng cho vật nuôi	- Bột mịn, màu coca	Mangimificio I.M.A.R	Italy
2160	Se 1% BMP	DI-1431-02/03-KNKL	Bổ sung Selen (Se) trong TĂCN		Dox.Al S.P.A	Italy
2161	Sintoplasma	SY-365-10/01-KNKL	Làm giảm Amoniac và mùi hôi chuồng nuôi		Sintofarm S.P.A	Italy
2162	Standard Qph1	FI-171-6/00-KNKL	Ngăn chặn sự phát triển của nấm mốc và vi khuẩn		Feed Industry Service	Italy
2163	Sun phát đồng ngậm nước (Copper Sulphate Pentahydrate)	MS-38-2/00-KNKL	Bổ sung khoáng trong thức ăn chăn nuôi		Manica S.P.A.Italia	Italy
2164	Vital Wheat Gluten	PY-311-9/01-KNKL	Bổ sung Protein trong thức ăn gia súc		Poquette Freres (Roquite)	Italy
2165	VPC 65	397-9/10-CN	Thức ăn đạm thực vật lên men đậm đặc để bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	Eurofeed Technologies s.r.l	Italy

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2166	Calsporin	313-10/11-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi (Bacillus subtilis) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng	Calpis Co., Ltd	Japan
2167	Cholesterol feed grade	NN-1524-4/03-KNKL	Bổ sung cholesterol trong TĂCN	Bột màu trắng	Nippon Fine Chemical Co. Ltd	Japan
2168	Cholesterol Feed Grade	NN-464-02/02-KNKL	Nâng cao hiệu quả trong TĂCN	Dạng bột, màu trắng	Nippon Fine Chemical	Japan
2169	Dicalcium Phosphate	SN-1467-03/03-KNKL	Bổ sung Photpho (P) và Canxi (Ca) trong TĂCN		Shin.Etsu Trading Co. Ltd	Japan
2170	Dicalcium Phosphate	NN-1399-01/03-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN		Nitta Genlatin	Japan
2171	Dicalcium Phosphate (DCP)	HT-1427-02/03-KNKL	Bổ sung Canxi (Ca) và Photpho (P) trong TĂCN		Nitta Gelatin Inc	Japan
2172	Dried Scallop Liver Powder - Absorbed Grade (Japanese Scallop Liver Powder-Absorbed Grade)	NJ-728-10/02-KNKL	Bổ sung đạm, chất béo trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám đen	Nippon Chemical Feed Co., Ltd	Japan
2173	Ferrous Sulphate Monohydrate	FN-528-5/02-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN	Dạng bột	Fuji Kasei	Japan
2174	Ferrous Sulphate Monohydrate	NW-55-1/00-KNKL	Bổ sung khoáng trong thức ăn chăn nuôi		Fuji	Japan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2175	Fish Soluble Liquid For Feed Purpose	021-7/04-NN	Bổ sung đạm cá vào thức ăn cho gia súc, gia cầm	Chất lỏng, màu nâu sẫm	Kaikoh Co., Ltd	Japan
2176	GCW (Great Cell Walls)	352-8/05-NN	Bổ sung các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột rời, màu vàng đến màu nâu	Asahi Food and Healthcare Co., Ltd	Japan
2177	Globigen Piglet I	64-02/08-CN	Bổ sung protein (chế biến từ bột trứng) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	GHEN Corporation	Japan
2178	Globigen Piglet II	65-02/08-CN	Bổ sung protein (chế biến từ bột trứng) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	GHEN Corporation	Japan
2179	Globigen Jump Start	031-8/04-NN	Thức ăn bổ sung, cung cấp chất đạm cho heo con	Dạng bột, màu vàng đến vàng chanh	Ghen Co	Japan
2180	Kaneka Q10 Feed Grade	05-01/12-CN	Yeast derived Coenzyme Q10, dùng làm thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm nhằm tăng hiệu quả chuyển hóa thức ăn của vật nuôi	Dạng bột, màu vàng da cam	Kaneka Corporation	Japan
2181	Kyodo-Shiryo Mama 7 High Act	109-04/09-CN	Thức ăn hỗn hợp cho lợn	Dạng bột mịn, màu vàng nhạt	Kyodo Shiryo Co., Ltd	Japan

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2182	Microvit B_5 Promix	AA-48-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_5 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng	Adisseo	Japan
2183	Neodrink-S	241-8/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin A, D_3 và E cho lợn con	Dạng dung dịch, màu đỏ	Yuka Sangyo Co., Ltd	Japan
2184	New a - Lacto	113-04/08-CN	Bổ sung vi sinh vật có lợi (vi khuẩn lactic) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu vàng	Plobaio International Co., Ltd	Japan
2185	Scallop Liver Powder (Pure Grade)	NJ-727-10/02-KNKL	Bổ sung đạm, chất béo trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	Nippon Chemical Feed Co., Ltd	Japan
2186	Squid Liver Powder	185-6/07-CN	Hỗn hợp nội tạng mực, dầu gan mực và bột đậu nành nhằm bổ sung protein vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu đậm	Hachinohe Chemical Feed Company Ltd	Japan
2187	Starmate	240-8/11-CN	Hỗn hợp muối canxi axit béo mạch vừa, dùng làm nguyên liệu bổ sung năng lượng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu trắng	Yuka Sangyo Co., Ltd	Japan
2188	1551	276-09/06-CN	Thức ăn hỗn hợp dùng cho heo con từ 7 đến 35 ngày tuổi	Dạng viên, màu nâu	Green Cross Veterinary Products Co., Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2189	(HP) Beta - Glucan	389-10/05-NN	Chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng sinh trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn	Dạng bột, màu vàng sậm	Han Poong Industry Co., Ltd	Korea
2190	Bakery Meal	228-5/10-CN	Bột bánh mì, sản phẩm phụ từ quá trình sản xuất bánh dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt mịn, màu nâu	Daeduck FRD Co., Ltd, (Daeduck Feed Resources Development)	Korea
2191	BiCore	44-02/09-CN	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi cho đường ruột vật nuôi (probiotics)	Dạng bột, màu vàng sáng	WooGene B&G Co., Ltd	Korea
2192	Bio- Agent No.1 (Choongbuk 65-1)	GH-491-3/02-KNKL	Bổ sung khoáng, vitamin trong TĂCN		Soma Inc	Korea
2193	Bio- Agent No.3 (Choongbuk 65-3)	GH-492-3/02-KNKL	Bổ sung khoáng, vitamin trong TĂCN		Soma Inc	Korea
2194	Bio-Boss	289-8/08-CN	Bổ sung Lactobacillus acidophilus và nấm men vào thức ăn chăn nuôi cho gia cầm	Dạng đông khô, màu canh lá	Hanson Biotech Co., Ltd	Korea
2195	Bio-CL	HK-446-01/02	Bổ sung men vi sinh trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột thô, màu trắng ngà	Han Poong Industry Co., Ltd	Korea
2196	Bio-Gold	265-9/07-CN	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi (probiotic) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu nhạt	Jewoo Co., Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2197	Bio-Green (Green Power)	133-04/09-CN	Hỗn hợp vi khuẩn có lợi dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi giúp ngăn ngừa tiêu chảy cho vật nuôi và loại bỏ mùi hôi của phân	Dạng bột, màu nâu vàng	Green World	Korea
2198	Bio-Green-A	190-6/08-CN	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi (probiotic) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	Green Global in Korea Co., Ltd	Korea
2199	Bio-Plus	264-9/07-CN	Men vi sinh nhằm bổ sung khuẩn lợi cho động vật, cải thiện môi trường chuồng nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Jewoo Co., Ltd	Korea
2200	Biotite V	30-02/09-CN	Hỗn hợp các chất khoáng dùng trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch cho vật nuôi	Dạng bột, màu xám	Seobong Biobestech Co., Ltd	Korea
2201	Bio-Top	161-4/10-CN	Bổ sung Probiotic vào thức ăn nhằm kích thích tiêu hóa và sinh trưởng cho vật nuôi	Dạng bột, màu vàng	Shinil Biogen Co., Ltd	Korea
2202	Bột Gan Mực (Squid Liver Powder)	MR-134-5/01-KNKL	Bổ sung Protein và chất béo	Dạng bột, màu xám tới xám đen	Milae Resources Ml Co. Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2203	BPF (By Product of Food)	386-11/08-CN	Phụ phẩm từ quá trình chế biến bia, tinh bột, rau, củ quả và kim chi dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu sẫm	SOMA Inc	Korea
2204	Chất Chống Mốc (Moldzer Ordry)	DH-724-10/02-KNKL	Bổ sung chất chống mốc trong TĂCN		Daeho Co. Ltd	Korea
2205	Cheil Colistin 100	295-8/08-CN	Bổ sung Colistin trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng năng suất vật nuôi	Dạng hạt nhỏ, màu trắng hoặc hơi vàng	Cheilbio Co., Ltd	Korea
2206	Cheil Phytase 10,000	222-7/11-CN	Bổ sung enzyme phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu trắng vàng nhạt	Cheilbio Co., Ltd	Korea
2207	Choline Chloride 50% cereal base	96-04/09-CN	Chất bổ trợ dùng bổ sung Choline Chloride vào thức ăn chăn nuôi nhằm tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Kolin chemical Co., Ltd	Korea
2208	Choline Chloride 50% silica base	98-04/09-CN	Chất bổ trợ dùng bổ sung Choline Chloride vào thức ăn chăn nuôi nhằm tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Kolin chemical Co., Ltd	Korea
2209	Choline Chloride 60% cereal base	97-04/09-CN	Chất bổ trợ dùng bổ sung Choline Chloride vào thức ăn chăn nuôi nhằm tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Kolin chemical Co., Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2210	Choline Chloride 75% liquid	99-04/09-CN	Chất bổ trợ dùng bổ sung Choline Chloride vào thức ăn chăn nuôi nhằm tăng năng suất vật nuôi	Dạng lỏng, màu hổ phách nhạt	Kolin chemical Co., Ltd	Korea
2211	CJ Protide	374- 9/10-CN	Sản phẩm phụ quá trình lên men, bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu nâu nhạt	CJ Liaocheng Biotech Co., Ltd	Korea
2212	Cleantec 100	381-11/08-CN	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi, amino acid và vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	SOMA Inc	Korea
2213	Cleantec 50-2X	GK-1401-01/03-KNKL	Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, tăng năng suất vật nuôi, khử mùi hôi	Dạng bột kem, màu xám	Geneybio Co., Ltd	Korea
2214	Cleantec Q	384-11/08-CN	Bổ sung khoáng (Selen) trong thức ăn của lợn giúp giảm lượng khí có hại và tăng hấp thụ protein	Dạng lỏng, màu nâu sẫm	SOMA Inc	Korea
2215	Cleantec Q30-2X	GK-1400-01/03-KNKL	Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, tăng năng suất vật nuôi, khử mùi hôi	Dạng dịch lỏng, màu nâu sậm	Geneybio Co., Ltd	Korea
2216	Cleo®	304-10/07-CN	Phụ gia thức ăn, kích thích tiêu hóa cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn.	Easy Bio System, Inc	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2217	CTC-KOCA™	58-02/10-CN	Bổ sung chất Betain giúp tăng khả năng tiếp nhận thức ăn, nước uống và hỗ trợ sức khỏe vật nuôi, ngăn ngừa stress	Dung dịch đậm đặc màu vàng đến nâu	CTCBIO INC	Korea
2218	CTCzyme	128-3/07-CN	Enzyme đậm đặc của beta mannanase dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng hấp thu thức ăn, cải thiện năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu hơi vàng hoặc nâu	CTCBIO Inc	Korea
2219	CTCZYME P	175-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp enzym β-mannanase và phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	CTCBIO INC	Korea
2220	C-Trac Premium	CK-1580-7/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa, chất tạo kháng thể (Globulin) trong TĂCN	Bột màu trắng	Chem Tech	Korea
2221	C-Tractoman	CK-1579-7/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Bột màu trắng	Chem Tech	Korea
2222	C-Tractoman 100	CK-1578-7/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Bột màu trắng	Chem Tech	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2223	Customer Premix No. 439 (153S)	226-08/06-CN	Hỗn hợp lysine, chất béo nhằm bổ sung dinh dưỡng, năng lượng trong thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Dae Han New Pharm Co., Ltd	Korea
2224	Customer Premix No. 439 (153S)	226-08/06-CN	Hỗn hợp lysine, chất béo nhằm bổ sung dinh dưỡng, năng lượng trong thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Dae Han New Pharm Co., Ltd	Korea
2225	DaOne AD_3E Plus	333-9/08-CN	Bổ sung các vitamin A, D_3 và E trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	DaOne Chemical Co., Ltd	Korea
2226	Denkavit - master Plus 1	KT-1912-5/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 7 đến 24 ngày tuổi	Dạng viên màu nâu sữa	Green Cross Veterinary Products Co. Ltd	Korea
2227	Denkavit - master Plus 2	KT-1913-5/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 7 đến 24 ngày tuổi	Dạng viên màu nâu sữa	Green Cross Veterinary Products Co. Ltd	Korea
2228	Denkavit - master Plus 3	KT-1914-5/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 10 đến 28 ngày tuổi	Dạng viên màu nâu sữa	Green Cross Veterinary Products Co. Ltd	Korea
2229	Denkavit - master Plus 4	KT-1915-5/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 15 đến 35 ngày tuổi	Dạng viên màu nâu sữa	Green Cross Veterinary Products Co. Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2230	Denkavit - master Plus 5	KT-1916-5/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 15 đến 42 ngày tuổi	Dạng viên màu nâu sữa	Green Cross Veterinary Products Co. Ltd	Korea
2231	Denkavit - master Plus 6	KT-1917-5/04-NN	Thức ăn hỗn hợp cho heo con từ 15 đến 42 ngày tuổi	Dạng viên màu nâu sữa	Green Cross Veterinary Products Co. Ltd	Korea
2232	Diet-chew	95-04/09-CN	Thanh thức ăn cho chó, mèo	Dạng thanh (hay thỏi), màu nâu nhạt đến nâu đậm	CTCBIO Inc	Korea
2233	Digesta - 10	254-8/08-CN	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi (probiotic) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hơi nâu vàng	Eunjin International Biotechnology Co., Ltd	Korea
2234	Doctor IGY	CK-1582-7/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa, chất tạo kháng thể (Globulin) trong TĂCN	Bột màu vàng	Chem Tech	Korea
2235	Easy Chrome®	305-10/07-CN	Phụ gia thức ăn nhằm bổ sung Crom (Cr) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn	Easy Bio System, Inc	Korea
2236	Endo-power Beta	153-6/11-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu nhạt	Easy Bio System Inc	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2237	Energizer	151-6/11-CN	Bổ sung đạm (từ tế bào nấm men bất hoạt) và premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu vàng nâu	Easy Bio System Inc	Korea
2238	Energizer®	302-10/07-CN	Phụ gia thức ăn cho heo nái, heo choai, heo thịt	Dạng bột, màu nâu nhạt	Easy Bio System, Inc	Korea
2239	Gallcin	227-07/09-CN	Phụ gia thức ăn chăn nuôi, bổ sung Allicin giúp cải thiện hiệu quả thức ăn và tăng sức đề kháng cho vật nuôi	Dạng bột, màu trắng sẫm	Natural F and P Corp	Korea
2240	GenoPhos 5000G	423-10/10-CN	Bổ sung enzyme phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu trắng đến vàng nhạt	GenoFocus, Inc	Korea
2241	Glocton	410-12/08-CN	Bổ sung tế bào nấm men Saccharomyces cerevisiae trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	CTCBIO INC	Korea
2242	Golden-Flamycin	310-7/10-CN	Bổ sung kháng sinh bambermycin (Flavomycin) trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng sinh trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	WooSung Co., Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2243	Gromone	438-11/10-CN	Bổ sung chất saponin (chiết xuất từ thực vật) trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột, màu nâu	Dongsun Ind., Co., Ltd	Korea
2244	Grow Max	152-6/11-CN	Bổ sung khoáng Crôm (từ Cr-Picolinate) trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu vàng nhạt	Easy Bio System Inc	Korea
2245	Guardizen-M	334-8/10-CN	Hỗn hợp vi sinh vật (probiotic) bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hơi vàng	DongBang Co., Ltd	Korea
2246	Helicobacter IGY Gold	CK-1583-7/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa, chất tạo kháng thể (Globulin) trong TĂCN	Bột màu vàng	Chem Tech	Korea
2247	Helicobacter IGY Plus	CK-1584-7/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa, chất tạo kháng thể (Globulin) trong TĂCN	Bột màu vàng	Chem Tech	Korea
2248	Hi-Bioculture	358-11/09-CN	Bổ sung nấm men hoạt động (Saccharomyces cerevisiae) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	MK Bio Science Co., Inc	Korea
2249	High Vita C Solution	296-8/08-CN	Bổ sung Vitamin C trong thức ăn chăn nuôi giúp vật nuôi giảm stress, cải thiện miễn dịch	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	DaOne Chemical Co., Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2250	Hy Bioyeast	69-3/10-CN	Bổ sung nấm men, trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Eunjin Interational Biotechnology Co., Ltd	Korea
2251	Hyprozyme®	125-5/08-CN	Chế phẩm sinh học chứa hỗn hợp enzyme tiêu hóa và các vi sinh vật có lợi, bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu nâu	CellTech Co., Ltd	Korea
2252	IBC	377-11/08-CN	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi, amino acid và vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	SOMA Inc	Korea
2253	Ig-Guard (Swine)	171-4/10-CN	Bổ sung lòng đỏ trứng, Alphalized-corn, Glucose vào thức ăn nhằm tăng sức đề kháng và tăng tốc độ sinh trưởng cho lợn	Dạng bột, màu vàng	AD Biotech Co., Ltd	Korea
2254	IgOne-S™	57-02/10-CN	Bổ sung Prebiotics giúp nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn chăn nuôi và tăng năng suất vật nuôi	Dung dịch đậm đặc màu vàng đến nâu	CTCBIO INC	Korea
2255	Ig-Top	172-4/10-CN	Bổ sung lòng đỏ trứng, Fructo-oligosacharide, Sucrose vào thức ăn nhằm	Dạng lỏng, màu vàng đậm	AD Biotech Co., Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			tăng sức đề kháng và tăng tăng tốc độ sinh trưởng cho lợn			
2256	Immuno-Y®	303-10/07-CN	Bột trứng bổ sung cho thức ăn heo con và gia súc	Dạng bột mịn, màu vàng	Easy Bio System, Inc	Korea
2257	Lactacid	334-9/08-CN	Bổ sung acid hữu cơ vào thức ăn chăn nuôi của lợn	Dạng bột, màu trắng	Eunjin International Biotechnology Co., Ltd	Korea
2258	Lactic Yeast	DH-723-10/02-KNKL	Bổ sung Vitamin trong TĂCN		Green Cross Veterinary Products Co. Ltd	Korea
2259	Lacto IGY	CK-1581-7/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa, chất tạo kháng thể (Globulin) trong TĂCN	Bột màu vàng	Chem Tech	Korea
2260	Livermarine Solution	52-02/09-CN	Bổ sung chất chiết thực vật silymarin (từ cây Silybum marianum) vào thức ăn chăn nuôi giúp cải thiện chức năng gan của vật nuôi	Dạng lỏng, màu vàng hay nâu nhạt	DaOne Chemical Co., Ltd	Korea
2261	Mamma-Pie	385-11/08-CN	Bổ sung khoáng (Crôm) trong thức ăn giúp tăng khả năng tiết sữa cho heo nái	Dạng miếng tròn, màu xám kem	SOMA Inc	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2262	Mamma-Soma	382-11/08-CN	Bổ sung khoáng (Crôm và Sắt) trong thức ăn giúp tăng khả năng tiết sữa cho heo nái	Dạng bột, màu xám nhạt	SOMA Inc	Korea
2263	Marine-Labs	235-07/09-CN	Chất bổ trợ dùng bổ sung Bacillus polyfermenticus vào thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu vàng hoặc nâu	CTCBIO Inc	Korea
2264	Melen-Pro	335-8/10-CN	Thức ăn bổ sung nhằm cải thiện sinh trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn cho bê cái	Dạng bột, màu vàng nhạt	DongBang Co., Ltd	Korea
2265	Moldzero Dry	155-05/09-CN	Bổ sung chất chống mốc (propionic acid) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu sáng	Daeho Co., Ltd	Korea
2266	Moldzero Liquid	156-05/09-CN	Bổ sung chất chống mốc (propionic acid) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu đỏ	Daeho Co., Ltd	Korea
2267	Multi 600	385- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung vitamin, vi khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng hoặc nâu đậm	Cheil Bio Co., Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2268	MultiSol-G	180-06/09-CN	Bổ sung premix vitamin, axit amin, khoáng chất vào thức ăn giúp tăng sức đề kháng của vật nuôi và tăng hiệu quả chăn nuôi	Dạng hạt, màu nâu vàng	Cheilbio Co., Ltd	Korea
2269	Neolac	183-6/08-CN	Bổ sung protein từ gạo trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hơi nâu vàng	Eunjin International Biotechnology Co., Ltd	Korea
2270	No. Scour	WH-519-4/02-KNKL	Nâng cao sức đề kháng cho vật nuôi		Woogenne B&G	Korea
2271	Omega-chew	94-04/09-CN	Thanh thức ăn cho chó, mèo	Dạng thanh (hay thỏi), màu nâu nhạt đến nâu đậm	CTCBIO Inc	Korea
2272	One-Q PMWS	357-11/07-CN	Chế phẩm bổ sung men tiêu hóa cho lợn con	Dạng bột, màu nâu, vàng nhạt	Insect Biotech	Korea
2273	One-Q Poultry	358-11/07-CN	Chế phẩm bổ sung men tiêu hóa cho gia cầm	Dạng bột, màu nâu, vàng nhạt	Insect Biotech	Korea
2274	One-Q Swine	360-11/07-CN	Chế phẩm bổ sung men tiêu hóa cho lợn nái	Dạng bột, màu nâu, vàng nhạt	Insect Biotech	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2275	Organic Ggreen Culture	HK-544-5/02-KNKL	Bổ sung men vi sinh vật trong TĂCN	Dạng bột	Han Poong Industry Co. Ltd	Korea
2276	Organic Green Culture zs	NS-325-11/00-KNKL	Bổ sung các chủng vi sinh vật có lợi trong TĂCN	Dạng bột, màu vàng nâu	Han Poong Industry Co. Ltd	Korea
2277	Oxyzero ® Dry (Powder)	SK-1588-7/03-KNKL	bổ sung chất oxy hóa trong TĂCN		DaeHo Co. Ltd	Korea
2278	PepSoyGen	173-05/09-CN	Chất phụ gia, bổ sung protein có khả năng tiêu hóa cao trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu vàng đến nâu	Genebiotech Co., Ltd	Korea
2279	Phosphor Omega 500	WH-521-4/02-KNKL	Tăng khả năng hấp thụ thức ăn		Woogenne B&G	Korea
2280	Phosphor-mega 5000	303-08/09-CN	Bổ sung enzyme phytase cho gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu vàng	WooGene B&G Co., Ltd	Korea
2281	Photo-Plus	WH-520-4/02-KNKL	Thúc đẩy tiêu hóa và tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu	Woogene B&G	Korea
2282	Pif Chrome ®	SK-1589-7/03-KNKL	Bổ sung Sắt và Crom trong TĂCN		SamJo Life Science	Korea
2283	PigAro (Probiotics)	433-12/08-CN	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi cho đường ruột vật nuôi (probiotics)	Dạng bột, màu vàng nhạt	Hannam University Institute for Industry - Academia Cooperation & Research Support	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2284	Power-Cell	359-11/07-CN	Chế phẩm bổ sung men tiêu hóa cho bò sữa	Dạng bột, màu nâu, vàng nhạt	Insect Biotech	Korea
2285	Power-Zyme (Live Mlco-organisms 2)	129-4/07-CN	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi (probiotic) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	B&B Korea Co., Ltd	Korea
2286	Pre Soma-B	379-11/08-CN	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi, amino acid và vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	SOMA Inc	Korea
2287	Pre Soma-R	378-11/08-CN	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi, amino acid và vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	SOMA Inc	Korea
2288	Pre Soma-Y	374-11/08-CN	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi, amino acid và vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	SOMA Inc	Korea
2289	Precipitated Silica - Tixosil 38	Rh-15-1/01-KNKL	Chất chống kết vón dùng trong TĂCN	Bột màu trắng	Rhodia Kofran Co. Ltd	Korea
2290	Probio-3	376-11/08-CN	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi, amino acid và vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	SOMA Inc	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2291	Protene	01-03/06-CN	Chất kích sữa, cải thiện chất lượng sữa, tăng sử dụng thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Komipharm International Co., Ltd	Korea
2292	Re-Fence	160-4/10-CN	Bổ sung hỗn hợp khoáng vào thức ăn nhằm tăng sức đề kháng và tăng năng suất cho vật nuôi	Dạng hạt, màu nâu đen	CellTech Co, Ltd	Korea
2293	Sacchagen	277-08/09-CN	Bổ sung chất tạo ngọt và hương vị cam trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Eunjin International Biotechnology Co., Ltd	Korea
2294	Saccharo Culture	CK-479-3/02-KNKL	Cung cấp men tiêu hóa trong TĂCN		Cheil Bio Co. Ltd	Korea
2295	SDN Probiotics (Live Mlco-organisms 6)	130-4/07-CN	Bổ sung vi khuẩn lactic có lợi (probiotic) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu đỏ đậm	B&B Korea Co., Ltd	Korea
2296	Shield Zinc	411-12/08-CN	Bổ sung khoáng Zinc oxide (ZnO) nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	CTCBIO INC	Korea
2297	Solmax 50	162-7/11-CN	Bổ sung hợp chất hữu cơ (sodium stearoyl-2-lactylate) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng, nhạt	IL SHIN WELLS Co., Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2298	Sol-Stress	311-7/10-CN	Bổ sung các vitamin, axit amin và khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	WooSung Co., Ltd	Korea
2299	Soma-Cid	380-11/08-CN	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi, amino acid và vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	SOMA Inc	Korea
2300	Soma-Meat	383-11/08-CN	Bổ sung khoáng (Crôm và Selen) trong thức ăn của lợn giúp tăng chất lượng thịt	Dạng bột, màu xám nhạt	SOMA Inc	Korea
2301	Soma-Yeast	375-11/08-CN	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi, amino acid và vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	SOMA Inc	Korea
2302	Somazyme-101	188-5/10-CN	Bổ sung hỗn hợp emzyme vào thức ăn nhằm tăng khả năng tiêu hóa cho lợn	Dạng hạt mịn, màu xám bạc	Soma Inc	Korea
2303	Somazyme-303	190-5/10-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme vào thức ăn nhằm tăng khả năng tiêu hóa cho gà	Dạng hạt mịn, màu xám nhạt	Soma Inc	Korea
2304	Somazyme-PT	189-5/10-CN	Bổ sung emzyme Phytase vào thức ăn nhằm tăng khả năng tiêu hóa cho vật nuôi	Dạng bột rời, màu xám nhạt	Soma Inc	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2305	Sorbitol 70% solution	81-3/10-CN	Bổ sung Sorbitol trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, không màu	Samyang Genex Corporation	Korea
2306	Soytide (Fermented soybean meal)	29-01/11-CN	Khô dầu đậu tương đã được lên men, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	CJ Cheiljedang Corp	Korea
2307	Squid Liver Oil	DK-1531-6/03-KNKL	Bổ sung Protein, khoáng trong TĂCN		Dong Woo Industrial Co. Ltd	Korea
2308	Squid Liver Oil	GC-321-11/00-KNKL	Dầu gan mực làm nguyên liệu bổ sung chất béo	Dạng lỏng, màu nâu sẫm	Gem Corporation.	Korea
2309	Squid Liver Oil	YP-55-2/01-KNKL	Dầu gan mực bổ sung chất beo giầu năng lượng cho TĂCN	Dạng lỏng, màu vàng nâu	Young Poung Precision Co..Ltd	Korea
2310	Squid Liver Oil (Dầu gan mực)	EG-305-10/00-KNKL	Thức ăn bổ sung chất béo	Dung dịch, màu nâu đậm	East Gulf Industrial Product	Korea
2311	Squid Liver Paste	YP-56-2/01-KNKL	Dầu gan mực bổ sung chất beo giàu năng lượng cho TĂCN	Dạng sệt, màu vàng, nâu sẫm	Young Poung Precision Co., Ltd	Korea
2312	Squid Liver Powder	DK-1530-6/03-KNKL	Bổ sung Protein, khoáng trong TĂCN		Dong Woo Industrial Co. Ltd	Korea
2313	Squid Liver Powder (Bột gan mực)	HS-271-8/00-KNKL	Làm nguyên liệu chế biến TĂCN	Bột màu nâu đậm và dính	Hyundai Special Feed Ind. Co. Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2314	Stimuler	437-11/10-CN	Bổ sung chất saponin (chiết xuất từ thực vật) trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	Dongsun Ind., Co., Ltd	Korea
2315	Super Vita-M	145-5/08-CN	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin cho gia cầm	Dạng bột, màu nâu đỏ nhạt	Woo Gene B&G	Korea
2316	Super-Sol	223-7/11-CN	Bổ sung premix vitamin - khoáng cho gia súc và gia cầm	Dạng hạt, màu trắng hay vàng nhạt	DaOne Chemical Co., Ltd	Korea
2317	Thermo Phytase 1000G	412-12/08-CN	Bổ sung men Phytase nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi	Dạng hạt, màu vàng hoặc nâu	CTCBIO INC	Korea
2318	Thermo Phytase 5000G	435-12/08-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu vàng nhạt hoặc nâu	CTCBIO Inc	Korea
2319	T-immune Stick	93-04/09-CN	Thanh thức ăn cho chó, mèo	Dạng thanh (hay thỏi), màu nâu nhạt đến nâu đậm	CTCBIO Inc	Korea
2320	Tixolex 28F	RK-66-3/00-KNKL	Chất chống vón dùng trong TĂCN (Anticaking)		Rhodia Kofran Co. Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2321	UNI Multivita-Gold	252-9/11-CN	Bổ sung Premix vitamin, axit amin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt hoặc vàng nâu nhạt	Unibiotech Co., Ltd	Korea
2322	V-Guard	16-02/10-CN	Bổ sung hỗn hợp acid hữu cơ, enzyme tiêu hóa và tế bào nấm men bất hoạt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu hoặc nâu nhạt	ELT Science Corporation	Korea
2323	Vitabio	355-10/08-CN	Hỗn hợp các vitamin và khoáng dùng cho vật nuôi	Dạng bột, màu vàng	DaOne Chemical Co., Ltd	Korea
2324	VitaC-200	146-5/08-CN	Bổ sung vitamin C cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Woo Gene B&G	Korea
2325	Vitamin Premix For Poultry	DK-281-8/01-KNKL	Bổ sung vitamin cho gia cầm		Daone Chemical	Korea
2326	Vitamin Premix For Swine	DK-282-8/01-KNKL	Bổ sung vitamin cho lợn		Daone Chemical	Korea
2327	Vitapoultry	311-09/09-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin và axit amin đậm đặc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Eagle Vet. Tech Co., Ltd	Korea
2328	Woogene Bacillus coagulans	171-05/09-CN	Bổ sung probiotic (Bacillus coagulans) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu vàng	Woogene B & G Co. Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2329	Woogene Bacillus licheniformis	164-05/09-CN	Bổ sung probiotic (Bacillus licheniformis) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu trắng	Woogene B & G Co. Ltd	Korea
2330	Woogene Bacillus subtilis	169-05/09-CN	Bổ sung probiotic (Bacillus subtilis) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu vàng sáng	Woogene B & G Co. Ltd	Korea
2331	Woogene Clostridium butyricum	166-05/09-CN	Bổ sung probiotic (Clostridium butyricum) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu trắng	Woogene B & G Co. Ltd	Korea
2332	Woogene Enterococcus faecium	170-05/09-CN	Bổ sung probiotic (Enterococcus faecium) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu trắng	Woogene B & G Co. Ltd	Korea
2333	Woogene Lactobacillus acidophilus	165-05/09-CN	Bổ sung probiotic (Lactobacillus acidophilus) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu vàng sáng	Woogene B & G Co. Ltd	Korea
2334	Woogene Lactobacillus casei	172-05/09-CN	Bổ sung probiotic (Lactobacillus casei) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu vàng sáng	Woogene B & G Co. Ltd.	Korea
2335	Woogene Lactobacillus plantarum	168-05/09-CN	Bổ sung probiotic (Lactobacillus plantarum) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu vàng	Woogene B & G Co. Ltd	Korea
2336	Woogene Pediococcus acidiclactici	167-05/09-CN	Bổ sung probiotic (Pediococcus acidiclactici) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột mịn, màu vàng sáng	Woogene B & G Co. Ltd	Korea

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2337	Zymepro	70-3/10-CN	Bổ sung Probiotics (vi sinh vật có lợi) và men tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Cheil Bio Co., Ltd	Korea
2338	Lactose (Edible Lactose)	183-07/06-CN	Bổ sung đường Lactose trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà	AB "Rokiskio suris"	Lithuania
2339	AA-Nutri^{TM} Bye2tox	44-02/11-CN	Bột đất sét tự nhiên, bổ sung trong thức ăn chăn nuôi để hấp phụ độc tố nấm mốc	Dạng bột, màu trắng đến nâu nhạt	Dexchem Industries SDN. BHD	Malaysia
2340	AA-Nutri^{TM} Lyte P	43-02/11-CN	Hỗn hợp muối vô cơ, bổ sung các chất điện giải trong nước uống cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng ánh cam	Dexchem Industries SDN. BHD	Malaysia
2341	Amoxsulfa	463-11/10-CN	Bổ sung kháng sinh (Amoxicillin và Sulphadiazine) trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi và tăng hiệu quả chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt hoặc vàng đậm	Excelcrop SDN.BHD	Malaysia
2342	Bergafat B-30	97-3/07-CN	Chất béo từ dầu dừa, dầu đậu nành nhằm bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu đậm	Berg + Schmidt (M) Sdn., Bhd	Malaysia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2343	Bergafat DLN - 2	BS-164-5/00-KNKL	Bổ sung chất béo		Berg & Schmidt (M) BHD	Malaysia
2344	Bergafat HPL - 106	BS-163-5/00-KNKL	Bổ sung chất béo		Berg & Schmidt (M) BHD	Malaysia
2345	Bergafat HTL 306	BS-186-6/00-KNKL	Bổ sung chất béo giàu năng lượng		Berg & Schmidt (M) BHD	Malaysia
2346	Bergafat HTL-316	123-04/06-CN	Dầu cọ dùng trong thức ăn chăn nuôi nhằm cung cấp năng lượng cao cho vật nuôi nhỏ	Dạng bột, màu vàng đến nâu nhạt	Berg & Schmidt Sdn., Bhd.	Malaysia
2347	Bergafat T-300	TA-1714-9/03-KNKL	Bổ sung chất béo thực vật cho bò sữa		Berg & Schmidt (M) BHD	Malaysia
2348	Bergameal (Khô dầu cọ thêm dầu thực vật và men tiêu hóa)	BS-79-3/01-KNKL	Cung cấp đạm và chất béo	Dạng bột thô, màu nâu	Berg & Schimidt	Malaysia
2349	Bergaphos 100	407-12/08-CN	Phụ gia dùng bổ sung Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu trắng ngà	Premier Oil Industries Sdn Bhd (Xuất khẩu bởi Berg + Schmidt (M) Sdn Bhd)	Malaysia
2350	Betafin BT	FF-132-5/01-KNKL	Thức ăn bổ sung Chất chống kết vón	Dạng kết tinh, màu nâu nhạt	FinnfeedsInternational Ltd; Danisco Animal Nutrition	Malaysia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2351	Betafin S1	FF-130-5/01-KNKL	Thức ăn bổ sung chất chống kết vón	Dạng kết tinh, màu nâu nhạt	FinnfeedsInternational Ltd.; Danisco Animal Nutrition	Malaysia
2352	Betafin S4	Ft-1575-7/03-KNKL	Bổ sung chất chống vón trong TĂCN		FinnfeedsInternational Ltd; Danisco Animal Nutrition	Malaysia
2353	Betafin S6	FF-131-5/01-KNKL	Thức ăn bổ sung Chất chống kết vón	Dạng kết tinh, màu nâu nhạt	FinnfeedsInternational Ltd; Danisco Animal Nutrition	Malaysia
2354	Biofat 532	299-8/08-CN	Hỗn hợp chất béo thực vật dùng để bổ sung năng lượng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu đậm	EcoOils Sdn. Bhd	Malaysia
2355	Biolax	Am-1497-5/03-KNKL	Bổ sung vitamin B trong TĂCN		Accentury Nutritech SND. BHD	Malaysia
2356	Bioyeast	Em-1716-9/03-KNKL	Bổ sung Protein và vitamin trong TĂCN		Excelcrop Sdn.Bhd	Malaysia
2357	Biscuit meal	422- 10/10-CN	Phụ phẩm từ sản xuất bánh để bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Cheung Chean Recycle Sdn.Bhd	Malaysia
2358	Biscuit Meal	PM-266-8/01-KNKL	Bột bánh - Cung cấp năng lượng, đạm và chất béo trong TĂCN	Bột màu vàng nhạt đến nâu đậm	Profeed Agronutrition. SDN. BHD	Malaysia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2359	Breeder Vitamin Premix (A9300V)	MA-343-10/01-KNKL	Cung cấp vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu vàng nâu nhạt	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2360	Broiler mineral Premix (A9205M)	MA-345-10/01-KNKL	Cung cấp khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu vàng lẫn xanh	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2361	Broiler/layer grower/breeder grower Vitamin Premix (A9200V)	MA-344-10/01-KNKL	Cung cấp vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu vàng nâu nhạt	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2362	Calcium Salt of Long Chain Fatty Acid (CalFa)	81-03/09-CN	Dầu cọ chứa chất khoáng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu hồng nhạt	Wawasan Tebrau Sdn. Bhd	Malaysia
2363	Canmutin Plus	Am-1496-5/03-KNKL	Chất độc tố và nấm trong TĂCN		Accentury Nutritech SND. BHD	Malaysia
2364	Chrominate	SM-525-5/02-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN	Dạng bột, màu xám nhạt	Sunroute Nutritech	Malaysia
2365	Copper Sulphate ($CuSO_4.5H_2O$)	GS-1509-5/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng Đồng (Cu) trong TĂCN	Dạng bột màu nâu đỏ	Gremont Agrochem SDN. BHD	Malaysia
2366	Copra Extraction Pellet	CP-261-8/00-KNKL	Khô dầu dừa (bã cơm dừa) Phụ phẩm chế biến dầu dừa được dùng làm nguyên liệu chế biến TĂCN	Màu nâu	Copra	Malaysia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2367	Duck breeder Vitamin Premix (A9510V)	MA-347-10/01-KNKL	Cung cấp vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu vàng	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2368	Duck Mineral Premix (A9505M)	MA-348-10/01-KNKL	Cung cấp khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu xám	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2369	Duck Vitamin Premix (A9500V)	MA-346-10/01-KNKL	Cung cấp vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu vàng nâu nhạt	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2370	Extima 300	312-10/11-CN	Sản phẩm từ dầu cọ, làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi bổ sung năng lượng cho gia súc và gia cầm	Dạng hạt, màu vàng nhạt	Erafeed Sdn. Bhd	Malaysia
2371	Ferrous Sulphate ($FeSO_4.H_2O$)	GS-1510-5/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng Sắt (Fe) trong TĂCN	Dạng bột màu nâu vàng	Gremont Agrochem SDN. BHD	Malaysia
2372	Ferrous Sulphate Monohydrate	RM-1476-03/03-KNKL	Bổ sung Sắt (Fe) trong TĂCN	Hạt mịn, màu xám xanh	Pacific Iron Products Sdn Bhd	Malaysia
2373	Fishmate	37-1/07-CN	Hỗn hợp bột cá và các chất đạm khác nhằm bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Modal Sumber Bestari Sdn Bhd	Malaysia
2374	Glycerine USP 99.5%	211-7/08-CN	Bổ sung chất béo trong thức ăn cho chó, mèo	Dạng lỏng, không màu	Southern acids (M) Berhad	Malaysia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2375	Green Bean Meal	MM-1605-8/03-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN		Manrich	Malaysia
2376	Hi - Prolac (Skim Milk Powder Replacer)	026-8/04-NN	Chất thay thế sữa dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng đục, ngà	Bio-Strength Sdn. Bhd	Malaysia
2377	Kofat AFS	300-8/08-CN	Hỗn hợp chất béo thực vật dùng để bổ sung năng lượng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột hoặc hạt, màu trắng	EcoOils Sdn. Bhd	Malaysia
2378	Kofat Premium	297-8/08-CN	Hỗn hợp chất béo thực vật dùng để bổ sung năng lượng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu đậm	EcoOils Sdn. Bhd	Malaysia
2379	Layer Vitamin Premix (A9400V)	MA-349-10/01-KNKL	Cung cấp vitamin trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu vàng	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2380	Megalac	369-12/07-CN	Bổ sung chất béo mạch vòng (bypass fat) năng lượng cao trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem	Volac Ingredients Sdn. Bhd	Malaysia
2381	Natural Pet Mushroom Extract Deodorant Tablet	324-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho chó	Dạng viên, màu nâu nhạt	Winma Medical Sdn. Bhd	Malaysia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2382	Natural Pet Skin & Coat supplement Tablet	323-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho chó	Dạng viên, màu nâu nhạt	Winma Medical Sdn. Bhd	Malaysia
2383	Natural Pet Super Multi With Glucosamine Tablet	322-11/07-CN	Thức ăn bổ sung cho chó	Dạng viên, màu nâu nhạt	Winma Medical Sdn. Bhd	Malaysia
2384	Nhân cọ dầu ép viên (thức ăn cho bò sữa)	CM-487-3/02-KNKL	Thức ăn cho bò sữa		Cargill FeedSdn. Bhd	Malaysia
2385	Nhân cọ dầu ép viên (thức ăn cho bò thịt)	CM-486-3/02-KNKL	Thức ăn cho bò thịt		Cargill FeedSdn. Bhd	Malaysia
2386	Nutriplex 815	Am-1498-5/03-KNKL	Bổ sung vitamin, khoáng trong TĂCN		Accentury Nutritech SND. BHD	Malaysia
2387	Orgaclds	SM-1347-12/02-KNKL	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi		Sunzen Corporation Sdn.Bhd	Malaysia
2388	Palmifat	372- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu trắng	Ecolex Sdn Bhd	Malaysia
2389	Pfactor 001	SM-1348-12/02-KNKL	Cung cấp Vitamin, khoáng vi lượng trong TĂCN		Sunzen Corporation Sdn.Bhd	Malaysia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2390	Pfactor 002	SM-1349-12/02-KNKL	Cung cấp Vitamin, khoáng vi lượng trong TĂCN		Sunzen Corporation Sdn.Bhd	Malaysia
2391	Pfactor 003	SM-1350-12/02-KNKL	Cung cấp Vitamin, khoáng vi lượng trong TĂCN		Sunzen Corporation Sdn.Bhd	Malaysia
2392	Pfactor 004	SM-1351-12/02-KNKL	Cung cấp Vitamin, khoáng vi lượng trong TĂCN		Sunzen Corporation Sdn.Bhd	Malaysia
2393	Pfactor 005	SM-1352-12/02-KNKL	Cung cấp Vitamin, khoáng vi lượng trong TĂCN		Sunzen Corporation Sdn.Bhd	Malaysia
2394	Pfactor 006	SM-1353-12/02-KNKL	Cung cấp Vitamin, khoáng vi lượng trong TĂCN		Sunzen Corporation Sdn.Bhd	Malaysia
2395	Pfactor 007	SM-1354-12/02-KNKL	Cung cấp Vitamin, khoáng vi lượng trong TĂCN		Sunzen Corporation Sdn.Bhd	Malaysia
2396	PON PON POWDER	229-5/10-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin và men tiêu hóa trong thức ăn nhằm tăng hấp thu chất dinh dưỡng cho vật nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Y.S.P. INDUSTRIES (M) SDN.BHD.	Malaysia
2397	Pro-Milk (Skim Milk Replacer)	PM-1419-01/03-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN		Profeed Agronutrition Sdn.Bhd	Malaysia
2398	Pro-milk (Skimmed Milk Replacer)	AM-1377-12/02-KNKL	Bột thay thế sữa - bổ sung đạm, năng lượng trong TĂCN	Bột màu vàng nhạt đến vàng cam	Profeed agronutrition sdn.bhd	Malaysia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2399	Rumifat Plus	466-11/10-CN	Bổ sung hỗn hợp axit béo hữu cơ trong thức ăn cho bò, dê, cừu	Dạng hạt, màu hơi vàng	Ecolex Sdn Bhd	Malaysia
2400	Rumifat R100	359-11/09-CN	Dầu hạt cọ đã được chế biến, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho bò	Dạng hạt nhỏ, màu trắng	Ecolex Sdn Bhd	Malaysia
2401	Soya Bean Peptide GF	282-8/08-CN	Sản phẩm từ đậu nành để bổ sung dinh dưỡng cho lợn từ 30 - 90kg	Dạng bột, màu vàng nhạt	Excelcrop Sdn, Bhd	Malaysia
2402	Soya Bean Peptide PL	280-8/08-CN	Sản phẩm từ đậu nành để bổ sung dinh dưỡng cho lợn cai sữa đến 15kg	Dạng bột, màu vàng nhạt	Excelcrop Sdn, Bhd	Malaysia
2403	Soya Bean Peptide SW	281-8/08-CN	Sản phẩm từ đậu nành để bổ sung dinh dưỡng cho lợn nái đẻ và nuôi con	Dạng bột, màu vàng nhạt	Excelcrop Sdn, Bhd	Malaysia
2404	Susfat S100L	278-7/10-CN	Bổ sung hỗn hợp các acid béo và chất béo (Lecithin) trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng tiêu hóa cho vật nuôi	Dạng hạt, màu vàng nhạt đồng nhất	Ecolex Sdn Bhd	Malaysia
2405	Swine Breeder Mineral Premix (A9155M)	MA-350-10/01-KNKL	Cung cấp khoáng	Bột màu xám vàng	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2406	Swine Breeder Vitamin Premix (A9150V)	MA-351-10/01-KNKL	Cung cấp vitamin	Bột màu vàng nâu	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2407	Swine Grower/Finisher Mineral Premix (A9135M)	MA-352-10/01-KNKL	Cung cấp khoáng	Bột màu xám vàng	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2408	Swine Grower/Finisher Vitamin Premix (A9130V)	MA-353-10/01-KNKL	Cung cấp vitamin	Bột màu vàng	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2409	Swine Starter Mineral Premix (A9125M)	MA-354-10/01-KNKL	Cung cấp khoáng	- Bột màu vàng	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2410	Swine Starter Vitamin Premix (A9120V)	MA-355-10/01-KNKL	Cung cấp vitamin	Bột màu vàng	Great Wall Nutrition Technologies SDN BHD	Malaysia
2411	Swine Vitamin Premix (Starter Phase) - A801	230-07/09-CN	Premix vitamin dùng bổ sung vào thức ăn cho lợn giai đoạn khởi đầu	Dạng bột mịn, màu vàng nâu	Great Wall Nutrition Technologies Sdn. Bhd	Malaysia
2412	Tylonsulfa	461-11/10-CN	Bổ sung kháng sinh (Tylosin Phosphate và Sulphadiazine) trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng	Dạng bột, màu nâu nhạt hoặc nâu đậm	Excelcrop SDN.BHD	Malaysia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			khả năng sinh trưởng vật nuôi và tăng hiệu quả chăn nuôi			
2413	Tylonsulfa Plus (+)	462-11/10-CN	Bổ sung kháng sinh (Tylosin Phosphate, Sulpha-diazine và Colistin) trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi và tăng hiệu quả chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt hoặc vàng đậm	Excelcrop SDN.BHD	Malaysia
2414	Whey Powder-G20	229-07/09-CN	Bột váng sữa dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng sữa	Great Wall Nutrition Technologies Sdn. Bhd	Malaysia
2415	63882Z Luctamold 63882Z	07-01/08-CN	Chất hấp thu độc tố nấm mốc dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt	Lucta Mexicana S.A.de C.V	Mexico
2416	Agrocons -YL50	212-7/11-CN	Chất chiết xuất từ cây Yucca Schidigera, bổ sung saponin trong thức ăn chăn nuôi nhằm giảm mùi amonia trong chất thải của vật nuôi	Dạng dung dịch, màu nâu sẫm	Pure Land Products	Mexico
2417	Agrocons -YP30	211-7/11-CN	Bột cây Yucca Schidigera, bổ sung saponin trong thức ăn chăn nuôi nhằm	Dạng bột, màu be hoặc nâu nhạt	Pure Land Products	Mexico

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			giảm mùi amonia trong chất thải của vật nuôi			
2418	Aqua choice (Fish Soluble)	208-3/05-NN	Bổ sung protein bột cá trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	Alimentos Concentrados California, S.A. de C.V	Mexico
2419	Avelut Powder A-7263-004	PV-101-4/00-KNKL	Chất tạo màu	Dạng bột, màu nâu sáng	Pigmentos Vegetables Del Centro S.A De C.V	Mexico
2420	Bioaqua Pmr	AM-425-01/02-KNKL	Khử mùi hôi chất thải trong chăn nuôi		Agroindustrias El Alamo.	Mexico
2421	Biofil Red Laying Hen	IM-537-5/02-KNKL	Bổ sung sắc tố cho gà đẻ	Dạng bột màu đỏ nâu	Alcosa Industrial.INC	Mexico
2422	Biofil Rred 540	IM-535-5/02-KNKL	Bổ sung sắc tố cho gà đẻ	Dạng bột màu đỏ nâu	Alcosa Industrial.INC	Mexico
2423	Biofil Yellow	IM-541-5/02-KNKL	Bổ sung sắc tố cho gà đẻ	Dạng bột màu nâu	Alcosa Industrial.INC	Mexico
2424	Biofil Yellow LZ	IM-539-5/02-KNKL	Bổ sung sắc tố cho gà đẻ	Dạng bột màu nâu	Alcosa Industrial.INC	Mexico
2425	Bioliquid 3000	AM-423-01/02-KNKL	Khử mùi hôi chất thải trong chăn nuôi		Agroindustrias El Alamo	Mexico
2426	Biopowder	AM-424-01/02-KNKL	Khử mùi hôi chất thải trong chăn nuôi		Agroindustrias El Alamo	Mexico

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2427	Enzymatic Chews - Cet Dog Chew (Flat's Stick's Cet)	22-02/10-CN	Miếng nhai giúp sạch răng cho chó	Dạng miếng, màu nâu	Virbac Mexico, S.A. De C.V	Mexico
2428	Florafil - 93 Powder	370-11/11-CN	Bổ sung chất tạo màu (Xanthophyl từ hoa cúc vạn thọ) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu lòng đỏ trứng và thịt gia cầm	Dạng bột, màu nâu	Industrias Vepinsa, S.A. DE C.V	Mexico
2429	Florafil HP Powder	371-11/11-CN	Bổ sung chất tạo màu (Xanthophyl từ hoa cúc vạn thọ) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu lòng đỏ trứng và thịt gia cầm	Dạng bột, màu nâu	Industrias Vepinsa, S.A. DE C.V	Mexico
2430	Harina Mix-65	275-7/10-CN	Bổ sung đạm được chiết xuất từ nấm men trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu đen	Abastecedores Pecuarios Lozano S.A. de CV	Mexico
2431	Harina Mix-70	274-7/10-CN	Bổ sung đạm được chiết xuất từ nấm men trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu đen	Abastecedores Pecuarios Lozano S.A. de CV	Mexico
2432	Phyzyme ® XP 5000L	125-4/10-CN	Bổ sung enzyme phytase vào TĂCN cho vật nuôi	Dạng dung dịch màu nâu	FERMIC S.A. DE C.V	Mexico

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2433	Phyzyme XP 5000L	303-9/08-CN	Bổ sung phytase trong thức ăn cho lợn và gia cầm	Dạng lỏng, màu nâu	Fermic SA. De CV	Mexico
2434	Red Pixafil Laying Hen Liquid	IM-536-5/02-KNKL	Bổ sung sắc tố cho gà đẻ	Dung dịch nhũ tương màu đỏ	Alcosa Industrial.INC	Mexico
2435	Yellow Pixafil Liquid	IM-540-5/02-KNKL	Bổ sung sắc tố cho gà đẻ, gà thịt	Dung dịch màu vàng nâu	Alcosa Industrial.INC	Mexico
2436	Yellow Pixafil LZ Liquid	IM-538-5/02-KNKL	Bổ sung sắc tố cho gà đẻ, gà thịt	Dung dịch màu cam nâu	Alcosa Industrial.INC	Mexico
2437	Yucca Schidigera In Liquid	372-12/07-CN	Chất chiết suất từ thân cây thảo mộc bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm khử mùi hôi chất thải của vật nuôi	Dạng lỏng, màu nâu đậm	Pure Land Product S.A. de C.V	Mexico
2438	Yucca Schidigera in Liquid	72-3/10-CN	Bổ sung chất Sapanin chiết suất từ cây Yucca Schidigera vào TĂCN nhằm giảm mùi hôi, lượng ammonia, khí thải vật nuôi, kích thích sinh trưởng và nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu đậm	Pure Land Product S.A. de C.V	Mexico
2439	Yucca Schidigera in Liquid (Yucca Schidigera	269-7/10-CN	Bổ sung chất Saponin chiết suất từ cây Yucca Schidigera vào TĂCN nhằm giảm mùi hôi, lượng	- Dạng lỏng, màu nâu đậm	Pure Land Products S.A. de C.V	Mexico

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
	Liquid PLP/YL50)		ammonia, khí thải vật nuôi, kích thích sinh trưởng và nâng cao hiệu quả chăn nuôi			
2440	Yucca Schidigera In Powder	371-12/07-CN	Chất chiết suất từ thân cây thảo mộc bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm khử mùi hôi chất thải của vật nuôi	Dạng bột, màu nâu sáng	Pure Land Product S.A. de C.V	Mexico
2441	Yucca Schidigera in Powder	73-3/10-CN	Bổ sung chất Sapanin chiết suất từ cây Yucca Schidigera vào TĂCN nhằm giảm mùi hôi, lượng ammonia, khí thải vật nuôi, kích thích sinh trưởng và nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Dạng bột, màu be sang	Pure Land Product S.A. de C.V	Mexico
2442	Yucca Schidigera in Powder (Yucca Schidigera Powder PLP/YP30)	270-7/10-CN	Bổ sung chất Saponin chiết suất từ cây Yucca Schidigera vào TĂCN nhằm giảm mùi hôi, lượng ammonia, khí thải vật nuôi, kích thích sinh trưởng và nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Dạng bột, màu be sáng	Pure Land Products S.A. de C.V	Mexico

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2443	Zeotek®	376- 9/10-CN	Bổ sung chất hấp phụ độc tố Mycotoxin (muối nhôm silicate hữu cơ) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xanh	Nutek S.A de C.V	Mexico
2444	Mixed Bile Acids	NN-1888-02/04-NN	Bổ sung Acid mật trong TĂCN		Newzealand Pharmaceutical Ltd	Newzea-land
2445	Formi® NDF	255-07/09-CN	Bổ sung chất bảo quản (hỗn hợp acid formic và Natri formate) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	ADDCON Nordic AS	Norway
2446	Potassium formate (FORMI®)	85-03/09-CN	Bổ sung muối Kali của axit formic (Potassium formate) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	ADDCON Nordic AS	Norway
2447	Bột tảo (Sea Weed Meal)	AN-588-5/02-KNKL	Bổ sung Canxi (Ca) trong TĂCN	Bột màu xanh rêu	Algea a.s Norway	Norway
2448	Marine Protein Concentrate	Sn-1715-9/03-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN		Seanbio Bjugn AS Norway	Norway
2449	OryzaStan 500	02-01/11-CN	Gluten gạo, dùng làm nguyên liệu bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Shafi Glucochem (Pvt) Ltd	Pakistan
2450	Fish Soluble Concentrate	PP-1449-02/03-KNKL	Cung cấp Protein trong TĂCN		Pesquera Diamante S.A Peru	Peru

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2451	GP-RED/5	197-7/08-CN	Bổ sung chất tạo màu đỏ từ thực vật (Red-xanthophylls) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm	Dạng bột, màu đỏ	Innova Andina S.A	Peru
2452	Kuf	EP-750-10/02-KNKL	Giảm mùi hôi trong TĂCN		Exprosel va S.A.c Peru	Peru
2453	Saponified Marigold Extract (GP-ORO/20)	AP-152-6/01-KNKL	Bổ sung chất làm vàng da và lòng đỏ trứng gà trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Innova Andina S.A	Peru
2454	Saponified Marigold Extract (GP-ORO/20)	AP-152-6/01-KNKL	Bổ sung chất làm vàng da và lòng đỏ trứng gà trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Quimtia S.A	Peru
2455	Alkacel 20X	AP-742-10/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Agriaccess	Philippines
2456	Chromium Chelate	AP-743-10/02-KNKL	Bổ sung axit amin trong TĂCN		Agriaccess	Philippines
2457	Copra Expellet Cake Meal	CP-260-8/00-KNKL	Khô dầu dừa (bã cơm dừa) Phụ phẩm chế biến dầu dừa được dùng làm nguyên liệu chế biến TĂCN	Màu nâu	Copra	Philippines
2458	Copra Extraction Pellet	CP-261-8/00-KNKL	Khô dầu dừa (bã cơm dừa) Phụ phẩm chế biến dầu dừa được dùng làm nguyên liệu chế biến TĂCN	Màu nâu	Copra	Philippines

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2459	Mananase Premix	AP-741-10/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Agriaccess	Philippines
2460	Premiks selenowy 4,5% Se (Selenium premix 4.5% Se)	123- 4/12-CN	Bổ sung khoáng Selen trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng đến be	Anima Sp.zo.o	Poland
2461	Sweet Whey Powder	IM-1490-4/03-KNKL	Bổ sung đường trong TĂCN		Fleur Sp.Z.O.O	Poland
2462	Sweet Whey Powder Spray	025-8/04-NN	Bổ sung các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem	Spoldzielnia Mleczarska Mlekpol Zaklad Produkcji Mleczarskiej W Mragowie	Poland
2463	Vital Wheat Gluten	61-1/07-CN	Bổ sung chất kết dính và cung cấp protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem	Cargill (Polska) Sp.z o.o	Poland
2464	Whey Powder (Non hygroscopic sweet whey powder)	CP-1920-5/04-NN	Bổ sung các chất dinh dưỡng trong TĂCN	Dạng bột màu kem	Euroserum SP. Z O.O	Poland
2465	B.H.T Feedgrade	AI-1365-12/02-KNKL	Chống oxy hóa trong TĂCN		Petrochemical Plant	Russia
2466	Copper Sulphate	241-8/07-CN	Bổ sung khoáng (đồng) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột nhuyễn, màu xanh	Olmix	Russia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2467	Copper sulphate pentahydrate	421-10/10-CN	Bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng tinh thể hoặc bột, màu xanh	NEKK	Russia
2468	Cupramel - 25	241-8/07-CN	Phụ gia nhằm cung cấp đồng (Cu) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột nhuyễn, màu xanh	Olmix	Russia
2469	Ethoxyquin 66,6%	AI-1364-12/02-KNKL	Chống oxy hóa trong TĂCN		Petrochemical Plant	Russia
2470	Torula Yeast	253-5/05-NN	Bổ sung men tiêu hóa và protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu vàng tới nâu nhạt	Inter-Harz GmbH Russland	Russland (Russia)
2471	Acid lac Dry	KM-662-8/02-KNKL	Bổ sung acid hữu cơ trong TĂCN		Kemin industries (Asia) pte ltd	Singapore
2472	Acid Lac Premium Dry	88-3/12-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm giảm độ pH và kiểm soát vi khuẩn có hại đường tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột, màu nâu sáng	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd	Singapore
2473	Acid Lac® brand Liquid	KM-81-3/01-KNKL	Chất điều chỉnh độ PH trong dạ dày, ngăn chặn sự phát triển của các chủng vi khuẩn có hại, tăng sức hoạt động của các men tiêu hóa	Dạng lỏng, màu nâu	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2474	Amonex GT Liquid	227-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ (axit propionic, axit acetic, axit sorbic, axit photphoric), muối ammonium hydroxide và BHA nhằm chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu đục	Bentoli Agrinutrition Asia Pte Ltd	Singapore
2475	Ana Monodon Vitamin Premix-188	ZS-543-5/02-KNKL	Bổ sung vitamin và khoáng trong TĂCN	Bột mịn, màu vàng cam	Zagro Ltd	Singapore
2476	AntiOx 30	122- 4/12-CN	Bổ sung hỗn hợp các chất chống ôxy hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu tím	Crown Pacific Biotechnology Pte.Ltd	Singapore
2477	Aqua Stab	LC-166-5/00-KNKL	Chất kết dính dùng trong công nghệ chế biến thức ăn dạng viên		Leko Chemical Pte. Ltd	Singapore
2478	Avizyme 1502	FP-513-4/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa cho gà	Dang bột.	Danisco Singapore Pte	Singapore
2479	Barox Liquid	KM-15-10/99-KNKL	Chống oxy hóa	Dạng lỏng	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2480	BAROX^{TM} $_{brand}$ Liquid	KM-15-10/99-KNKL	Chống oxy hóa	Dạng lỏng	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2481	Betafin S4	Ft-1575-7/03-KNKL	Bổ sung chất chống vón trong TĂCN		Danisco Singapore Pte	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2482	Bio Curb Dry	KM-125-4/01-KNKL	Chất ức chế hoạt động của men ureasa, giảm khí amoniac, tăng ngon miệng	Dạng bột mịn, màu trắng nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2483	Biodor Cream	BI-316-9/01-KNKL	Bổ sung hương liệu hoa quả trong TĂCN	Dạng bột màu vàng nhạt	Biomin Laboratory Pte. Ltd	Singapore
2484	Biodor Fruit	BI-317-9/01-KNKL	Bổ sung hương liệu quả dâu trong TĂCN	Dạng bột màu vàng nhạt	Biomin Laboratory Pte. Ltd	Singapore
2485	Biodor Lact	BI-318-9/01-KNKL	Bổ sung hương liệu sữa trong TĂCN	Dạng bột màu vàng nhạt	Biomin Laboratory Pte. Ltd	Singapore
2486	Biodor Milk	BI-320-9/01-KNKL	Bổ sung hương liệu sữa trong TĂCN	Dạng bột màu vàng nhạt	Biomin Laboratory Pte. Ltd	Singapore
2487	Biodor Vanilla	BI-319-9/01-KNKL	Bổ sung hương liệu mùi vani trong trong TĂCN	Dạng bột màu vàng nâu	Biomin Laboratory Pte. Ltd	Singapore
2488	Biomin P.E.P 125	BI-272-8/01-KNKL	Kích thích tính thèm ăn, tăng khả năng tiêu hóa	Dạng bột màu xanh xám	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore
2489	Biomin P.E.P 1000	BI-273-8/01-KNKL	Kích thích tính thèm ăn, tăng khả năng tiêu hóa	Dạng bột thô màu xanh xám	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore
2490	Biomin P.E.P Liquid	BI-274-8/01-KNKL	Kích thích thèm ăn và tạo ra môi trường tiêu hóa tốt cho lợn con	Dạng dung dịch màu nâu vàng	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore
2491	Biomin P.E.P Sol	BI-275-8/01-KNKL	Kích thích thèm ăn và tạo ra môi trường tiêu hóa tốt cho lợn con	Dạng dung dịch màu nâu nhạt	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2492	Biomin Phytase 10000 Liquid	04-01/10-CN	Bổ sung enzyme Phytase cho gia súc, gia cầm	Dạng dung dịch, màu vàng trong suốt	Biomin Singapore Pte. Ltd	Singapore
2493	Biomin Phytase 5000 Liquid	03-01/10-CN	Bổ sung enzyme Phytase cho gia súc, gia cầm	Dạng dung dịch, màu vàng trong suốt	Biomin Singapore Pte. Ltd	Singapore
2494	Biomin® Phytase 10000	223-7/08-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột thô, màu trắng hoặc vàng nhạt	Biomin Laboratory Singapore Pte Ltd	Singapore
2495	Biotronic P	BIO-105-4/00-KNKL	Tăng tiết dịch tiêu hóa, tăng sự ngon miệng	Dạng bột màu trắng	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore
2496	Biotronic SE	BIO-104-4/00-KNKL	Sử dụng acid hữu cơ để kích thích hệ thống tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột màu xám nâu	Biomin Singapore Pte Ltd	Singapore
2497	Biotronic SE Liquid	BI-1709-9/03-KNKL	Bổ sung acid hữu cơ trong TĂCN	Dung dịch không màu	Biomin Laboratory Pte. Ltd	Singapore
2498	Butter Vanilla Dry	KM-121-4/01-KNKL	Chất tạo hương: Tạo mùi bơ, mùi vani	Dạng bột mịn, màu vàng nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Limited.	Singapore
2499	Calcium Iodate $Ca(IO_3)_2.H_20$	BN-1448-02/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng Iốt (I) trong TĂCN	Dạng bột màu da bò nhạt	Biomin Laboratory Pte. Ltd	Singapore
2500	Calphovit	ZS-542-5/02-KNKL	Bổ sung vitamin và khoáng trong TĂCN	Bột, nâu nhạt	Zagro Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2501	Cholesterol BP	355 - 8/10-CN	Phụ gia, bổ sung choles-terol trong thức ăn cho gà	Dạng bột, màu trắng	NK Chemicals Pte Ltd	Singapore
2502	CloSTAT 11 Dry	219-5/10-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi (Bacillus subtilis) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore
2503	CloSTAT HC Dry	91-03/08-CN	Chất phụ gia thức ăn gia súc chứa tế bào vi khuẩn Bacillus subtilis nhằm duy trì sức khỏe vật nuôi	Dạng bột, màu trắng đến trắng nhạt.	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore
2504	CloSTAT SP Dry	220-5/10-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi (Bacillus subtilis) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore
2505	CloSTAT^{TM} brand Dry	TA-1620-8/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Kemin industries (Asia) pte Ltd	Singapore
2506	Cobalt suphate ($CoSo_4$. $7H_20$)	BN-1446-02/03-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng Coban (Co) trong TĂCN	Dạng bột tinh thể màu cam đỏ	Biomin Laboratory Pte. Ltd	Singapore
2507	CompleMIN 7 + Dry	225-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp khoáng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà	Bentoli Agrinutrition Asia Pte Ltd	Singapore
2508	Dairy Luretm Dry	KS-221-6/01-KNKL	Chất tạo mùi cỏ tươi cho thức ăn cho trâu bò và động vật dạ dày đơn		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2509	Dry Bird Food Pellet	MS-1804-12/03-NN	Thức ăn nuôi chim cảnh		Mata Puteh Samtom Pet Foods	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2510	Duck vitamin	364-11/08-CN	Premix vitamin bổ sung trong thức ăn cho vịt	Dạng bột, màu sắc đa dạng theo từng lô hàng	Zagro Singapore Pte Ltd	Singapore
2511	Ecostat	BIO-103-4/00-KNKL	Tăng sức đề kháng, tăng năng suất cho lợn con	Dạng bột thô màu xám	Biomin Laboratory Pte. Ltd	Singapore
2512	Endox 5X Concentrate Dry	292-10/06-CN	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Kemin Industries (Asia) Pte., Ltd	Singapore
2513	Endox Dry	KM-277-9/00-KNKL	Chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu nâu nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd	Singapore
2514	Endox Dry	KM-657-8/02-KNKL	Chống oxy hóa trong TĂCN		Kemin industries (Asia) pte Ltd	Singapore
2515	Endox® brand C Dry	KS-251-7/01-KNKL	Chống oxy hóa trong TĂCN		Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2516	Enerzyme	137-5/12-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme (xylanase, manase, Beta - glucanase) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu nhạt	Crown Pacific Biotechnology Pte. Ltd	Singapore
2517	Feed Curb Dry	KM-276-9/00-KNKL	Chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu trắng	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd.	Singapore
2518	Feed CURB® brand Dry	KM-658-8/02-KNKL	Chống oxy mốc trong TĂCN		Kemin industries (Asia) pte Ltd	Singapore

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
2519	Finnstim S	FP-514-4/02-KNKL	Chất chống kết vón trong TĂCN	Dạng kết tinh	FinnfeedsInternational Ltd.; Danisco Animal Nutrition	Singapore
2520	Fixar Viva Dry	228-7/11-CN	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc từ vách tế bào nấm men và khoáng tự nhiên (HSCAS) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà	Bentoli Agrinutrition Asia Pte Ltd	Singapore
2521	Goldleaf Stockfood Milk Powder	236-10/06-CN	Bổ sung năng lượng vào thức ăn cho bò và lợn	Dạng bột, màu trắng	Gold Industries Pte. Ltd	Singapore
2522	Inorganic Carrier	BI-1710-9/03-KNKL	Bổ sung chất chống vón trong TĂCN	Dạng bột thô màu nâu	Biomin Laboratory Pte. Ltd	Singapore
2523	Kem GLO® brand Dry	KM-83-3/01-KNKL	Chất chiết từ ớt quả, dùng làm chất tạo màu cho TĂCN	Dạng bột, màu đỏ	Kemin Industries (Asia) Pte Limited	Singapore
2524	KEM WET OS Liquid	200-3/05-NN	Bổ sung vào các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi giàu mỡ giúp dễ dàng tan chảy và đảm bảo độ đồng nhất	Dạng lỏng, màu hổ phách nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd	Singapore
2525	KEM WET WS Liquid	201-3/05-NN	Bổ sung vào rỉ mật đường giúp dễ chảy và ổn định	Dạng lỏng, màu hổ phách nhạt	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd	Singapore

(Xem tiếp Công báo số 451 + 452)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng